

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 24.2A

Phòng thi: 112 - Quang Trung 2

Môn học: Tiếng Anh quốc tế hội nhập 3

Lớp MH: GE003DV01

Ngày thi: 19/5/2025

Giờ thi: 10h00

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Số hiệu lớp
1	22402742	Nguyễn Phước Mai Bảo	AI2411				GV nhập điểm về lớp SV học	1514/2433

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CUỐI HỌC KỲ
HỌC KỲ 24.2A

Phòng thi: 112 - Quang Trung 2

Môn học: Tiếng Anh quốc tế hội nhập 4
Lớp MH: GE101DV01 (thi thay thế cho EIC5)
Ngày thi: 20/5/2025
Giờ thi: 13h30

Sinh viên không dự thi, ghi chữ "vắng" rõ ràng vào ô sinh viên ký tên bên dưới.

STT	MSSV	Họ và Tên	Lớp ngành	Số tờ/Số file - dung lượng file	Sinh viên Ký tên	Điểm	Quyết định	Số hiệu lớp
1	22116306	Vũ Đức Quân	TV2111				Hoãn thi 2248/QĐ-ĐHHS, ký 19/9/2022	1164/2134

Tổng số SV trong DS:

Tổng số SV dự thi:

Ngày tháng.....năm 20...

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giảng viên phụ trách
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

Giám đốc chương trình
(ký và ghi rõ họ tên)

.....

.....

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2600 – Số hiệu lớp: 1513
Giảng viên: Nguyễn Hường Anh
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402862	BÙI THỊ VÂN	ANH	27/08/05	NH24111			
2	22401728	NGUYỄN CHU QUỲNH	ANH	04/05/05	AI24111			
3	22400441	NGUYỄN DƯƠNG THỰC	ANH	02/02/05	DL24111			Cấm thi
4	22402093	NGUYỄN MINH THỦY	ANH	17/11/06	KS24111			Cấm thi
5	22402934	NGUYỄN PHI	ANH	29/01/01	DL24111			
6	22400903	VŨ THỊ KIỀU	ANH	08/03/06	KS24111			
7	22401494	DƯƠNG BẢO	ÂN	12/02/05	KS24111			
8	22400569	BÙI VĂN NHẬT	HÀO	11/01/06	DL24111			
9	22402732	BÙI NGỌC	HÂN	12/03/03	AI24111			Cấm thi
10	22400752	PHẠM MINH	HẬU	19/03/02	KS24111			
11	22401541	TRẦN THUY XUÂN	HIỀN	30/10/06	KS24111			
12	22401142	VŨ DOANH	HƯNG	21/04/06	AI24111			
13	22400317	TRẦN HOÀNG	KIM	01/02/06	KS24111			
14	22401406	LÝ XƯƠNG	LÂM	02/04/06	KS24111			
15	22400702	PHAN LÊ NGỌC	MAI	21/03/06	DL24111			
16	22400102	WANG KHIẾT	MY	26/01/06	DL24111			
17	22400100	VÕ HOÀI	NAM	10/08/95	AI24111			
18	22400736	NGUYỄN LÊ NHƯ	NGỌC	26/08/06	NH24111			Cấm thi
19	22402916	PHAN THÀNH	NGUYỄN	21/02/06	NH24111			
20	22401738	TRẦN THUY	NHIÊN	20/09/05	NH24111			Cấm thi
21	22402679	HOÀNG NGỌC TÂM	NHƯ	09/03/06	KS24111			
22	22402806	HUỲNH DUY	PHÁT	14/11/06	AI24111			
23	22401336	TRẦN THỊ NHƯ	PHÚC	29/04/06	AI24111			
24	22402967	NGUYỄN MINH	QUANG	14/04/06	AI24111			
25	22400870	NGUYỄN HOÀNG ANH	QUỐC	09/01/06	KS24111			
26	22401810	LƯU HUỆ	SAN	06/12/06	DL24111			
27	22400818	PHAN TRÚC	THANH	29/12/06	KS24111			
28	22400057	BÙI NGUYỄN	THÀNH	02/09/02	LW24111			
29	22400668	TRẦN MAI PHƯƠNG	THẢO	08/04/06	KS24111			
30	22403112	LÊ NGUYỄN AN	THIỆN	13/07/00	DL24111			
31	22402770	LÊ THỊ THANH	THÚY	30/10/06	DL24111			
32	22401588	ĐOÀN VŨ ANH	THƯ	06/10/04	DL24111			Cấm thi
33	22401318	NGUYỄN TRƯỜNG	TÍNH	11/06/06	KS24111			
34	22402763	HỒ THỊ QUẾ	TRÂN	16/09/06	KS24111			
35	22400894	TRẦN PHƯƠNG	TRINH	04/01/04	KS24111			
36	22400104	LÊ ĐỨC	TRỌNG	14/09/06	DL24111			
37	22401608	DƯƠNG BÙI THÀNH TUẤN	TÚ	28/08/06	AI24111			Cấm thi
38	22401512	NGUYỄN THANH	UYÊN	04/03/06	NH24111			
39	22401083	DƯƠNG THANH	VY	18/05/06	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2800 – Số hiệu lớp: 1515
Giảng viên: Nguyễn Thị Thanh Hồng
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400385	LÊ ĐỨC	ANH	05/02/04	TV24111			Cấm thi
2	22400555	PHẠM VÂN	ANH	04/10/06	TV24111			
3	22400611	NGÔ KIM	BẢO	12/05/06	NT24111			
4	22205623	A MI NA	BINROJAK	28/12/04	MK22111			
5	22400718	TRẦN KHÁNH	DUY	18/07/05	NT24111			
6	22400652	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	27/04/06	NT24111			
7	22400013	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	01/04/04	TV24111			
8	22400365	NGUYỄN ĐẶNG BẢO	KHANG	17/02/05	TV24111			Cấm thi
9	22106657	TRẦN ĐẶNG TRƯƠNG KIM	KHANH	07/10/03	NH21111			
10	2194060	NGUYỄN ĐỨC	KHƯƠNG	04/03/01	PM19111			
11	22400347	NGUYỄN KHÁNH	LINH	17/06/06	TV24111			
12	22400416	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	16/04/04	KT24111			
13	22400635	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	MY	19/01/06	NT24111			
14	22400756	NGUYỄN PHẠM GIA	NGHI	22/09/06	PR24111			
15	22400471	ĐOÀN THANH	NGỌC	24/10/06	TV24111			
16	22400088	NGUYỄN MINH	NHẬT	10/11/02	TV24111			Cấm thi
17	22400372	DIỆP TRƯƠNG KHÁNH	NHI	15/08/04	TC24111			
18	22400417	LÊ TRẦN THẢO	NHI	13/06/04	PR24111			Cấm thi
19	22400093	HUỲNH PHẠM YẾN	NHƯ	06/10/06	KT24111			
20	22400116	PHAN THUY HUỲNH	NHƯ	08/12/05	NT24111			
21	22107466	TRẦN ĐẶNG TRƯƠNG KIM	NHƯ	08/05/01	NH21111			
22	22400602	LÊ VŨ GIA	PHONG	13/06/05	NT24111			
23	22400150	TRẦN HOÀNG	PHÚC	29/10/06	TV24111			
24	22400482	NGUYỄN THÀNH	TÀI	19/08/04	NT24111			Cấm thi
25	22400613	NGUYỄN NHƯ HẢI	THANH	19/03/06	PR24111			
26	22400538	LÝ UYÊN	THẢO	22/08/06	TV24111			
27	22400491	ĐẶNG QUAN	THẠNH	09/07/04	NT24111			
28	2198075	TRỊNH NGUYỄN MỸ	TIỀN	08/03/01	DL19121			
29	22400152	TRẦN NGỌC ĐOÀN	TRANG	02/01/04	PR24111			Cấm thi
30	22400192	LÝ QUỲNH	TRÂM	28/10/06	NT24111			
31	22400421	HỒ THỊ THẢO	VY	10/12/05	TV24111			
32	22400591	NGUYỄN TRANG PHƯƠNG	VY	18/01/06	TV24111			
33	22400541	NGUYỄN VŨ THỤY	VY	20/12/05	TV24111			
34	22400211	VŨ HOÀNG BẢO	VY	10/01/05	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2900 – Số hiệu lớp: 1516
Giảng viên: Vương Ngọc Tiên
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401088	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	14/01/06	NT24111			
2	22400915	LƯU TRƯỜNG	CHÍ	20/11/06	TV24111			
3	22400819	TẶNG BỘI	DU	19/11/06	NT24111			
4	22400806	LÊ ĐĂNG	ĐẠT	18/11/06	FT24111			
5	22400957	LÂM HẢI	ĐĂNG	27/07/05	FT24111			
6	22401092	HÀ KIẾN	HÀO	05/10/06	TV24111			
7	22400997	NGUYỄN HOÀNG BẢO	HÂN	05/08/06	PR24111			
8	22401157	NGUYỄN CÔNG	HẬU	28/02/06	TV24111			
9	22400896	HUỲNH LÊ CHÍ	HIẾU	11/04/06	TV24111			
10	22401160	DIỆP TRẦN DIỆU	HUY	12/10/04	FT24111			
11	22400787	NGUYỄN TUẤN	HUY	17/03/06	TV24111			
12	22400908	LÝ NGỌC	HƯƠNG	22/09/06	NT24111			
13	22401121	LÊ TRẦN TƯỜNG	HY	01/11/06	TV24111			
14	22400813	NGUYỄN CHÍ	KHANG	03/05/05	NT24111			
15	22401038	TRƯƠNG DUY	LỢI	08/12/06	FT24111			
16	22400759	HỒ TRẦN NHẬT	MINH	25/11/05	TV24111			
17	22400959	TRẦN GIA	NGHI	23/06/06	PR24111			
18	22400559	LÝ THUẬN	NGUYỄN	28/12/06	NT24111			
19	22400923	NGUYỄN HOÀNG KHÔI	NGUYỄN	20/01/06	TV24111			
20	22400868	NGUYỄN TẤN	PHÁT	04/07/06	KT24111			
21	22401074	NGUYỄN LƯƠNG MỸ	TÂM	03/11/06	NT24111			
22	22400834	NGUYỄN HOÀN GIA	THÀNH	19/07/06	NT24111			
23	22400790	NGUYỄN LÊ	THẮNG	04/01/06	NT24111			
24	22401136	QUÁCH HẠNH	THI	09/03/06	TV24111			
25	22401148	TÔ PHÁT	THỊNH	29/10/06	NT24111			
26	22401040	HỨA NGUYỄN MINH	THƯ	21/08/06	FT24111			
27	22400941	TỬ CÔNG	THỪA	04/12/06	TV24111			
28	22400777	HỒ THỊ BÍCH	TIỀN	17/02/05	PR24111			
29	22400929	HUỲNH HỒ QUANG	TIẾN	18/09/06	TV24111			
30	22401409	ĐÀO KIỀU	TRANG	08/03/06	NT24111			
31	22401049	NGUYỄN QUAN	TRƯỜNG	10/04/06	NT24111			
32	22400869	HỒ NGỌC KHÁNH	VY	23/11/06	TV24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3000 – Số hiệu lớp: 1517
Giảng viên: Lê Kim Hòa
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401523	NGUYỄN HUỲNH BẢO	ANH	26/11/06	TV24111			Cấm thi
2	22401383	HÀ KIM	CƯƠNG	02/06/06	NT24111			
3	22401395	NGUYỄN MINH	CƯỜNG	07/12/06	NT24111			
4	22401302	PHẠM VŨ QUỐC	CƯỜNG	07/02/06	TV24111			Cấm thi
5	22401513	TẠ QUANG QUỐC	CƯỜNG	31/10/06	FT24111			
6	22401457	THÁI THƯỢNG	DUY	03/08/06	TV24111			
7	22401343	LÊ TIẾN	DŨNG	10/11/06	FT24111			
8	2190364	TẮT HUÂN	HUY	24/10/00	NT19111			
9	22401293	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	20/07/06	NT24111			
10	22401544	VÕ LÝ AN	KHANG	27/01/06	TV24111			
11	2190808	LÊ ĐỨC NGUYỄN	KHÔI	26/10/00	LG19111			
12	22401518	NGUYỄN NGỌC MAI	KHÔI	03/12/06	KT24111			
13	22401258	LÊ TUẤN	KIỆT	17/12/06	TV24111			
14	22401298	LÂM XUÂN	NGHI	04/12/06	TV24111			
15	22401316	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	22/08/05	FT24111			Cấm thi
16	22401326	TRẦN THANH	NGỌC	28/04/06	PR24111			
17	22401364	NGUYỄN GIA	NGUYỄN	10/09/06	TV24111			
18	22300039	NGUYỄN KỶ	NGUYỄN	12/02/00	NT23111			Cấm thi
19	22401542	TRẦN HOÀNG	NGUYỄN	24/01/06	NT24111			
20	22401528	NGUYỄN ĐẶNG UYÊN	NHI	19/01/06	NT24111			
21	22401476	VĂN THANH HỒNG	NHUNG	27/02/06	TV24111			
22	22401526	NGUYỄN GIA	PHÚ	06/02/06	FT24111			
23	22401165	NGUYỄN BẢO	SANG	21/04/06	NT24111			
24	22401386	NGUYỄN TRẦN DUY	TẤN	07/01/05	PR24111			
25	22401489	PHAN HOÀNG	THÁI	05/09/06	TV24111			
26	22401553	BÙI TRẦN THANH	THẢO	28/07/05	NT24111			
27	22401366	PHẠM PHÚ	THỊNH	16/04/06	TV24111			
28	22401261	ĐINH NGỌC	TRÂM	26/07/06	TV24111			
29	22401565	QUÁCH TRỊNH BẢO	TRÂM	18/10/06	TV24111			
30	22401400	PHAN PHÚ	VINH	28/09/06	NT24111			
31	22401495	ĐỖ THỊ THUÝ	VY	02/09/06	NT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3800 – Số hiệu lớp: 1525
Giảng viên: Trần Nguyễn Hoài Phương
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401747	NGUYỄN HOÀNG	ANH	02/07/06	KT24111			
2	22401713	TRẦN BẢO	DUY	11/04/06	TV24111			
3	22401725	HUYỀN TUẤN	ĐẠT	11/10/06	TV24111			
4	22401586	LẠI ĐÌNH THÀNH	ĐẠT	15/05/06	TV24111			Cấm thi
5	22400561	HUYỀN XUÂN	ĐỨC	06/05/04	NT24111			Cấm thi
6	22401631	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	03/06/06	FT24111			
7	22402021	VĂN ÁI NGỌC	HÀ	22/08/06	NT24111			
8	22402218	MAI NGUYỄN GIA	HÂN	25/06/06	PR24111			
9	22403070	VÕ THỊ DIỆU	HIỀN	29/12/05	NT24111			
10	22401830	BÙI HÀ	LAN	26/04/06	TV24111			
11	22402565	HỒ ÁNH	LINH	27/12/06	KT24111			
12	2199308	LÂM THỊ PHƯƠNG	LINH	23/12/00	LG19112			
13	22402404	NGUYỄN THỤY NHẬT	LINH	15/09/06	PR24111			
14	22402585	HUYỀN NHẬT	MAI	14/12/06	KT24111			
15	22401737	NGUYỄN THANH XUÂN	MAI	26/01/06	NT24111			
16	22400544	BÙI XUÂN	MINH	31/01/05	DM24111			
17	22401634	NGUYỄN THÀNH	NAM	09/04/06	NT24111			
18	2193937	LÊ THỊ THU	NGÂN	06/02/01	MK19111			
19	22402061	LÊ TRẦN PHÚ	NGÂN	07/09/06	TV24111			
20	22401994	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	02/09/06	KT24111			
21	22402165	HỒNG BỘI	NGHI	14/08/06	TV24111			
22	22401739	NGUYỄN ĐÔNG	NGHI	14/08/06	NT24111			
23	22402246	LƯU BẢO	NGỌC	23/09/06	TV24111			
24	22401795	VÕ THU	NGUYỆT	25/08/06	PR24111			
25	22401579	NGUYỄN HẢI	PHƯƠNG	16/12/06	NT24111			
26	22402089	NGHÊ THỰC	TÂM	30/03/06	PR24111			
27	22401842	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	11/11/06	TV24111			
28	22401720	VŨ NGUYỄN CA	THUY	11/02/06	TV24111			
29	22401873	ĐỖ NGỌC HÀ	THY	19/08/06	NT24111			
30	22402031	TRẦN THỊ THUỶ	TIỀN	10/08/06	TV24111			
31	22401667	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	08/09/06	TV24111			
32	22401676	NGUYỄN BẢO	TRINH	18/12/06	TV24111			
33	22401793	LÊ KIM MỸ	YÊN	23/09/06	FT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3900 – Số hiệu lớp: 1526
Giảng viên: Tăng Lâm Thảo Uyên
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402720	ĐỖ THỊ	DUYÊN	10/12/06	NT24111			
2	22402744	PHAN NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/04/06	NT24111			
3	22403227	NGUYỄN VŨ HÀ	GIANG	17/08/00	PR24111			
4	22402837	ĐÌNH TRUNG	HIẾU	15/09/05	TV24111			
5	22402920	TRẦN VĂN	HIẾU	11/03/06	TV24111			
6	22403003	TRẦN NHẬT	HUY	01/02/06	NT24111			
7	22403045	PHẠM HOÀNG ĐĂNG	KHOA	18/03/06	FT24111			Cấm thi
8	22111805	VŨ ĐĂNG	KHOA	09/03/03	EM21111			
9	22402994	OH NAM	KIẾU	17/11/04	PR24111			
10	22402789	NGUYỄN LÊ ANH	MINH	10/04/06	NT24111			
11	22402839	LÊ HUY HOÀNG	MY	12/04/06	PR24111			
12	22402691	VÕ THỊ DIỄM	MY	26/09/06	KT24111			
13	22207632	TRƯƠNG KHÁNH	NGÂN	16/03/02	MK22111			
14	22402969	TRƯƠNG GIA	NGHI	01/03/06	TV24111			
15	22012276	TRẦN PHAN KHÁNH	NGỌC	21/10/02	TL20111			
16	22403018	VÕ LÊ BÍCH	NGỌC	12/01/06	TV24111			
17	22402809	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	NHÂN	25/08/06	TV24111			
18	22402751	ĐÌNH NGUYỄN MINH	NHẬT	03/04/06	FT24111			
19	22402701	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	16/02/06	NT24111			
20	22402918	HUỲNH THỊ QUỲNH	NHƯ	22/02/05	NT24111			
21	22402960	VÕ PHẠM MINH	QUÂN	25/07/06	NT24111			
22	22402841	BÙI NGUYỄN DẠ	QUYÊN	16/06/06	TV24111			
23	22402733	PHẠM NGỌC	QUÝ	12/06/06	TV24111			
24	22402830	LƯƠNG VÕ HOÀNG NGỌC	TIẾN	09/08/06	KT24111			
25	22403108	LÊ VŨ HIỀN	TRANG	15/07/06	KT24111			
26	22403056	HUỲNH MAI PHƯƠNG	TRINH	11/07/06	TV24111			Cấm thi
27	22402886	VÕ QUỐC HƯƠNG	TRÚC	05/12/06	PR24111			
28	22402959	HOÀNG QUỐC	TUẤN	02/12/06	TV24111			
29	22403022	NGUYỄN NGỌC THANH	TUYỀN	06/12/06	NT24111			
30	22200016	TRẦN NGUYỄN MỸ	UYÊN	07/11/02	NH22111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2400 – Số hiệu lớp: 1511
Giảng viên: Nguyễn Hường Anh
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400732	HẠ MINH	ANH	17/09/05	TL24111			
2	22400545	LÊ TUẤN	ANH	21/04/05	TL24111			
3	22401267	VÕ THỊ KHÁNH	BĂNG	17/06/06	LW24111			
4	22400863	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	06/01/06	BL24111			
5	22401349	VÕ NHẤT	DUY	22/07/06	LW24111			
6	22400484	LỮ THIÊN	ĐĂNG	20/03/05	LW24111			
7	22400970	NGÔ GIA	HÂN	25/11/06	LW24111			
8	22401161	NGUYỄN LÊ GIA	HÂN	16/12/06	TL24111			
9	22401051	NGUYỄN VIỆT MINH	HIẾU	24/01/02	LW24111			
10	22401024	NGUYỄN MINH	HOÀNG	20/01/06	BL24111			Cấm thi
11	22400077	NGUYỄN GIA	HUY	06/04/06	QL24111			
12	22401361	TRẦN KHÁNH	HƯNG	13/01/06	PM24111			
13	22401070	PHAN THANH	HƯƠNG	14/06/06	BL24111			
14	22401405	NGUYỄN LỮ ĐĂNG	KHOA	14/09/06	LW24111			
15	22400667	TRỊNH THỰC	KHUÊ	16/11/05	TL24111			
16	22400343	ĐỖ NGUYỄN TUẤN	KIỆT	19/07/06	PM24111			
17	22403167	PHẠM THỊ THUỖ	LINH	22/07/93	TL24111			
18	22400352	TRẦN NGUYỄN BẢO	LONG	26/07/02	TL24111			
19	22400751	ĐÀM THIÊN BẢO	NGHIÊM	14/05/06	TL24111			
20	22401352	NGUYỄN HỒNG BẢO	NGỌC	17/09/06	BL24111			
21	22400443	NGUYỄN SONG	NGUYỄN	31/07/01	TL24111			
22	22401264	PHAN THỊ THẢO	NGUYỄN	03/06/06	LW24111			
23	22400945	LÊ PHONG	NHÃ	08/04/06	BL24111			
24	22400976	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHI	10/04/06	BL24111			
25	22401154	NGUYỄN NGỌC THANH	NHI	20/02/06	BL24111			
26	22401382	NGUYỄN NGỌC	NHƯ	28/12/99	TL24111			
27	22400065	TÔ TÂM	NHƯ	10/04/04	TL24111			
28	22400623	ĐẶNG UYÊN	PHƯƠNG	10/01/06	TL24111			
29	22401414	THẮNG LIÊN	PHƯƠNG	23/11/06	TL24111			
30	22401572	TRỊNH NHƯ	PHƯƠNG	31/07/05	TL24111			Cấm thi
31	22400129	VÕ NGỌC	QUỲNH	09/04/06	TL24111			
32	22400051	VŨU LIỆT	THUẬN	29/06/03	PM24111			
33	22400698	HUYỀNH ĐẶNG CẨM	TIỀN	27/04/06	BL24111			
34	22401020	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	01/12/06	LW24111			
35	22400738	CAO NGUYỄN PHƯƠNG	TRANG	25/04/06	TL24111			
36	22401324	ĐỖ HOÀNG UYÊN	TRANG	24/06/06	BL24111			
37	22401408	LÊ THỊ THỦY	TRANG	29/09/06	BL24111			
38	22401342	VÕ CHÂU	TUẤN	29/04/06	PM24111			
39	22400072	TRẦN ĐÀI MINH	UYÊN	30/10/95	TL24111			
40	22400460	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	VY	11/06/00	TL24111			
41	22400979	NGUYỄN TƯỜNG	VY	24/02/06	TL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2700 – Số hiệu lớp: 1514
Giảng viên: Nguyễn Ngọc Thiên Nam
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 111 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402949	HOÀNG NHẬT	ANH	07/08/06	TL24111			
2	22402742	NGUYỄN PHƯỚC MAI	BẢO	30/04/04	AI24111			
3	22402888	TẠ LÊ NGỌC	HÂN	24/04/06	BL24111			
4	22402768	KRÃ TẤN K'	HIỀN	19/11/06	LW24111			Cấm thi
5	22401808	PHẠM ĐỖ GIA	HƯNG	13/01/06	BL24111			
6	22402630	LÊ MAI	KHÔI	10/11/05	BL24111			
7	22402784	NGUYỄN THÀNH	LIÊM	21/11/06	PM24111			
8	22403037	NGUYỄN KHÁNH	MAI	29/03/06	TL24111			
9	22402912	LÊ CÔNG NGUYỄN	MINH	20/02/06	LW24111			
10	22402876	VÕ LÊ NGỌC	MINH	02/12/06	BL24111			
11	22402900	TRẦN MINH	NAM	26/06/06	PM24111			
12	22402737	TRẦN LẠI HÀ	NGUYỆT	24/04/06	TL24111			
13	22401501	TRẦN KIM	NGUYỄN	04/12/06	LW24111			
14	22402849	LÊ THỊ YẾN	NHI	02/12/06	LW24111			
15	22401767	VÕ THỊ PHONG	NHI	20/03/06	TL24111			
16	22401623	THẠCH THUY MỸ	NHUNG	26/03/06	LW24111			
17	22402972	LÂM GIA	PHÚ	10/11/06	LW24111			
18	22402116	NGÔ ĐỖ ĐÌNH	PHÚ	21/09/06	PM24111			
19	22403050	ĐỖ NGỌC	QUANG	18/06/06	PM24111			
20	22402755	LƯU MINH	QUÂN	02/05/06	PM24111			
21	22402854	PHẠM NHẬT	QUỲNH	17/07/06	LW24111			
22	22401974	GIANG TRẦN NGỌC	THẢO	22/05/06	BL24111			
23	22401730	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	THẢO	08/10/06	BL24111			
24	22401981	NGUYỄN LÊ ANH	THƯ	12/07/06	LW24111			
25	22402772	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	21/01/06	LW24111			
26	22402312	TRẦN NGUYỄN MINH	THY	31/10/06	TL24111			
27	22401563	ĐÌNH KHẮC HOÀNG	TIẾN	22/06/06	LW24111			
28	22402321	LƯƠNG QUỲNH	TRÂM	20/06/06	LW24111			
29	22402743	NGUYỄN HÙNG	TRUNG	27/03/06	PM24111			
30	22403105	VÕ NHỰT	TRUNG	02/05/06	PM24111			
31	22401992	NGUYỄN NGỌC CẨM	TÚ	13/10/06	LW24111			
32	22403121	TRẦN CẨM	TÚ	11/08/04	BL24111			
33	22402771	NGUYỄN KIM THẢO	VY	11/04/06	BL24111			
34	22402184	NGUYỄN MAI	VY	20/06/06	LW24111			
35	22401733	PHẠM HẢI	YẾN	28/06/06	TL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3500 – Số hiệu lớp: 1522
Giảng viên: Nguyễn Thị Huệ
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400055	TRẦN NGỌC GIA	BAO	10/05/06	TT24111			
2	22400413	PHẠM GIA	BẢO	08/02/06	DM24111			
3	22400366	LÊ NGUYỄN	ĐĂNG	14/05/05	DM24111			Cấm thi
4	22400151	PHAN HUỲNH THIÊN	ĐỨC	29/05/06	EC24111			
5	22400172	LÊ THỊ NGỌC	HẠNH	15/08/06	EM24111			
6	22400453	LÊ GIA	HÂN	26/11/06	EM24111			
7	22400373	NGUYỄN NHƯ	HIỀN	13/04/06	DM24111			
8	22400458	NGUYỄN QUỐC	HIỂN	21/11/06	DK24111			
9	22400208	NGUYỄN THÙY LINH	HƯƠNG	01/02/01	DK24111			
10	22400415	NGUYỄN NGỌC MỸ	KHANH	10/08/06	DK24111			
11	22114338	LƯƠNG TUẤN	KIỆT	10/07/03	TV21111			
12	22400467	ĐOÀN THỊ THUỖ	LINH	17/12/06	DK24111			
13	22400312	TRỊNH MINH	LỢI	02/09/06	DM24111			Cấm thi
14	22400381	TRẦN THANH	NAM	17/07/05	LG24111			
15	22400436	PHẠM THỊ THU	NHI	11/05/04	EC24111			
16	22400059	NGÔ TUYẾT	PHƯƠNG	06/02/04	TT24111			
17	22400032	HỒ TẤN MINH	QUÂN	20/01/03	DM24111			
18	22400144	LÊ NGỌC	QUỲNH	20/11/03	DM24111			
19	22400319	NGUYỄN TẤN	SANG	20/09/05	EC24111			
20	22400058	NGUYỄN TƯỚNG	TÀI	18/09/04	DM24111			Cấm thi
21	22400161	HOÀNG NGỌC	THANH	15/07/06	EM24111			
22	22400165	HUỲNH VŨ LÊ	THÀNH	26/11/06	DM24111			Cấm thi
23	22400141	DƯƠNG BỘI	THƯ	06/10/06	DK24111			
24	22400219	DƯƠNG NGUYỄN MINH	THƯ	27/12/05	DM24111			
25	22400202	ĐỖ NGỌC MINH	THỨ	06/02/06	DK24111			
26	22400119	HUỲNH MINH	THỨ	22/04/06	DM24111			
27	22400432	NGUYỄN ANH	THỨ	22/08/06	DK24111			
28	22400399	NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	04/06/05	EC24111			
29	22400402	NGUYỄN NGỌC THUỖ	TIẾN	23/11/05	LG24111			
30	22401663	VÕ HOÀNG BẢO	TRÂM	11/01/06	NT24111			
31	22400215	TRẦN HỮU	TRỌNG	01/04/06	DM24111			
32	22400404	HUỲNH GIA	TUẤN	18/06/06	DM24111			
33	22400344	TRỊNH HOÀNG	VY	07/04/06	DK24111			
34	22400410	NGUYỄN VŨ THANH	XUÂN	17/03/06	EM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3600 – Số hiệu lớp: 1523
Giảng viên: Võ Thị Minh Hạnh
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400950	NGUYỄN LÂM TRÚC	ANH	12/03/06	DK24111			
2	22400780	NGUYỄN DUY	BIN	01/02/06	TT24111			
3	22400993	HÀ BẢO	HOÀNG	04/08/04	DM24111			
4	22400931	LÂM CHẤN	KHANG	22/10/06	DK24111			
5	22400615	LÊ THIỆU	KHANG	19/01/06	SE24111			
6	22400816	NGUYỄN DUY	KHANG	24/09/06	DM24111			Cấm thi
7	22400821	ĐỖ ĐÌNH	KHẢI	20/12/06	DK24111			
8	22112460	LÊ NGUYỄN THANH	LÂM	23/11/01	BL21111			
9	22400788	NGUYỄN KHÁNH	LINH	06/03/06	DM24111			
10	22400850	NGUYỄN THỊ KIM	LINH	22/11/04	TT24111			
11	22400495	SỬ PHƯƠNG	LINH	10/04/06	DK24111			
12	22400871	ĐỖ ANH	LONG	05/11/06	DM24111			
13	22400843	TRƯƠNG TRÚC	LY	21/12/06	DK24111			
14	22400520	HOÀNG PHẠM KHÁNH	NGỌC	20/05/05	DK24111			
15	22400740	DƯƠNG KIỀU	OANH	02/11/03	EM24111			
16	22400954	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	14/10/06	EM24111			
17	22400691	TRẦN ĐẶNG THIÊN	PHÚC	15/12/06	EM24111			
18	22400722	NGUYỄN THÁI	PHƯƠNG	06/08/04	DK24111			
19	22400542	NÌM NGỌC	QUÝ	08/04/06	DK24111			
20	22400924	HOÀNG ANH	TÀI	18/07/06	DM24111			
21	22400568	NGUYỄN NHƯ	THẢO	15/12/03	EM24111			
22	22114806	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	19/05/03	LG21111			
23	22400639	LÊ NGỌC THÙY	TRANG	07/11/06	DK24111			
24	22400650	NGÔ KIỀU	TRẦN	03/08/06	TT24111			
25	22402448	NGUYỄN NHẤT	TRẦN	11/11/06	TV24111			
26	22400886	NGUYỄN HOÀNG MINH	TRIẾT	12/11/06	DK24111			
27	22400785	LÊ ANH	TUẤN	07/11/06	EC24111			
28	22400776	VÕ HOÀNG NGỌC	TÚ	16/12/05	DK24111			
29	22101125	PHAN THỊ NGỌC	TỶ	02/05/01	TV21111			Cấm thi
30	22400550	TRẦN NGỌC TƯỜNG	VÂN	14/10/06	EM24111			Cấm thi
31	22114379	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VI	27/12/03	TV21111			
32	22400575	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	07/07/06	EM24111			
33	22400572	TRƯƠNG KIM	YẾN	02/03/06	DK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00

Lớp học phần: 3700 – Số hiệu lớp: 1524

Giảng viên: Lê Kim Hòa

Ngày thi: 19/05/2025

Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401067	HÀ PHƯƠNG	ANH	24/10/04	EM24111			
2	22400531	LÊ MINH HUY	ANH	02/09/99	DK24111			
3	22401019	TRẦN VÂN QUỐC	DUY	05/11/05	SE24111			Cấm thi
4	22115070	ĐẶNG CÔNG	ĐẠT	26/04/03	NT21111			
5	22104232	HỒ THỊ NGỌC	HẰNG	05/07/03	KN21111			
6	22401046	NGUYỄN HOÀNG BẢO	KHANG	11/07/06	DK24111			
7	22401060	TRẦN THỨC	KHÁ	18/01/06	DK24111			
8	22401284	LƯU THỊ CHÍ	LINH	05/06/06	DM24111			
9	22401041	TRẦN THỊ KIM	LOAN	02/11/06	DK24111			
10	22401166	NGUYỄN PHƯỚC	LỘC	03/04/06	EM24111			
11	22401110	NGUYỄN LỘC ĐÔNG	NGHI	01/06/06	EM24111			Cấm thi
12	22401169	CAO THANH	NHẤT	01/01/06	DM24111			
13	22401008	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	26/10/06	EC24111			
14	22401319	CHƯƠNG ĐỒNG	PHI	07/12/06	DM24111			Cấm thi
15	22401262	PHAN THẾ	PHONG	01/01/06	SE24111			
16	22401018	PHẠM THỊ MỸ	PHƯƠNG	01/03/06	DM24111			
17	2191891	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	QUYÊN	19/03/01	TV19112			
18	22401309	VĂN THỊ NGỌC	THANH	08/01/06	DK24111			
19	22401139	LÊ THỊ HOÀI	THU	24/06/06	DK24111			Cấm thi
20	22401325	BÙI NGUYỄN ANH	THỨ	23/11/06	DK24111			
21	22401014	LÊ MY	THỨ	23/06/06	DK24111			
22	22401013	TRẦN THỊ MINH	THỨ	22/01/04	DK24111			
23	22401149	NGUYỄN NGỌC THUỶ	TIỀN	03/07/06	DM24111			
24	22401282	TRẦN THU	TRANG	01/08/06	TT24111			
25	22401055	NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ	22/05/06	DM24111			
26	22401033	NGUYỄN THỊ VIỆT	TRINH	01/05/06	SE24111			Cấm thi
27	22401289	NGUYỄN ĐÌNH	TRUNG	30/05/06	DM24111			
28	22401153	PHẠM THỊ NGỌC	TRÚC	06/04/06	DK24111			
29	22401296	LƯƠNG ĐẶNG MINH	VIỆT	23/12/05	EM24111			
30	22401151	DƯƠNG PHONG	VINH	23/01/06	SE24111			Cấm thi
31	22402198	LAI TỪ THIỂU	VĨ	28/11/06	EC24111			
32	22401102	VŨ KHẮC NGUYỄN	VŨ	24/06/06	DM24111			
33	22401006	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	05/03/06	EM24111			Cấm thi

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4000 – Số hiệu lớp: 1527
Giảng viên: Trần Nguyễn Hoài Phương
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401329	DƯƠNG KIỀU	ANH	21/01/06	DM24111			
2	22401332	HUỲNH CHÂU	ANH	10/01/06	DM24111			
3	22401577	LÊ HOÀNG	ANH	26/11/03	DK24111			
4	22401449	NGUYỄN ĐỨC TÀI	ANH	02/10/05	DK24111			Cấm thi
5	22401601	NÔNG HOÀNG	ANH	10/02/04	DK24111			
6	22401485	THÁI QUANG	ANH	16/09/03	SE24111			
7	22401614	LÔ GIA	BẢO	23/03/06	DM24111			
8	22300711	PHẠM LÊ CÔNG	DANH	25/04/02	KS23111			
9	22401356	NGUYỄN VĂN KHƯƠNG	DUY	29/08/06	DM24111			Cấm thi
10	22401345	LÊ THỊ MINH	HẰNG	21/02/06	DK24111			
11	22401417	VÕ TRƯỜNG NHẬT	HUY	09/01/06	SE24111			Cấm thi
12	22401373	PHAN NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	09/05/06	TT24111			
13	22401625	NGUYỄN THANH PHÚC	LỘC	25/10/06	DK24111			
14	22401460	NGUYỄN NHẬT	MINH	07/03/06	DK24111			
15	22401617	NGUYỄN GIA	MỸ	21/10/06	EM24111			
16	22401479	H KHUÊ RƠ	NANG	29/01/06	DK24111			
17	22401543	DƯƠNG NGỌC	NGÂN	10/01/06	TT24111			Cấm thi
18	22401407	TRƯƠNG MỸ	NGÂN	31/01/06	DM24111			
19	22401339	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	11/01/06	DM24111			
20	22401610	LÊ QUỲNH	NHƯ	31/07/06	EM24111			
21	22401365	LÊ MINH	PHÁT	02/12/06	DK24111			
22	22401376	NGUYỄN VĨNH	PHÁT	29/11/06	DK24111			
23	22401450	TRẦN MINH	SON	25/06/06	DK24111			Cấm thi
24	22401573	TRẦN THÀNH	TÀI	15/11/06	TT24111			
25	22401622	NGUYỄN NGỌC MAI	THI	23/11/06	DM24111			
26	22301661	BÙI VĂN	TÍN	27/11/05	NL23111			
27	22401491	LƯƠNG HUỲNH THÙY	TRANG	02/03/06	DM24111			
28	22401603	NGUYỄN THỊ HOÀNG	TRANG	02/08/06	EM24111			
29	22401461	LÊ BẢO	UYÊN	10/01/05	DK24111			Cấm thi
30	22401396	BÙI NGUYỄN HẠ	VY	26/11/06	DM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4100 – Số hiệu lớp: 1528
Giảng viên: Tăng Lâm Thảo Uyên
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401800	NGUYỄN ĐẶNG THÁI	BẢO	10/11/06	DK24111			
2	22401982	TRẦN LÊ MINH	CHÂU	18/04/06	DK24111			
3	22107748	NGUYỄN LINH	CHI	25/12/03	FB21121			
4	22401702	HÀ THUỖ	DƯƠNG	26/03/06	EM24111			
5	22402328	NGUYỄN CÔNG THÀNH	ĐÔ	03/08/06	EC24111			
6	22401743	TRẦN DUY	HẢI	02/03/06	SE24111			
7	22401643	LÂM QUỲNH	HƯƠNG	06/12/06	DK24111			
8	22401674	TRƯƠNG HIẾU	KHÁNH	24/05/06	DM24111			
9	22401669	PHAN NHẬT	KHÔI	07/10/06	DM24111			
10	22401751	LÊ ĐÌNH	LONG	04/10/06	EM24111			
11	22401769	TRƯƠNG QUANG	MINH	14/07/06	TT24111			
12	22207350	NGUYỄN TRẦN THÚY	NGÂN	24/08/03	NT22111			
13	22402001	TRẦN LÊ THIÊN	NGHI	13/12/06	DM24111			
14	22401697	NGUYỄN PHƯƠNG	NGUYỄN	10/10/06	EM24111			
15	22401847	HUYỀN THỊ YẾN	NHI	05/08/06	EM24111			
16	22402027	NGUYỄN ĐAN	NHI	20/04/06	DK24111			
17	22401969	THÁI NHẢ	PHƯƠNG	24/01/06	EM24111			
18	22401936	NGUYỄN ĐOÀN MINH	QUÂN	07/07/06	DM24111			
19	22401917	NGUYỄN DƯƠNG NHƯ	QUỲNH	15/09/06	DM24111			
20	22401665	TRẦN MINH THÁI	THANH	08/04/06	EM24111			
21	22401635	ĐÀO DUY	THÁI	25/01/06	DM24111			
22	22401712	NGUYỄN HỮU	THIỆN	09/02/06	DK24111			
23	22401735	CAO HUỲNH ANH	THƯ	09/05/05	EM24111			
24	22402467	HỨA MẠNH	TUẤN	08/11/06	DK24111			
25	22401668	DƯƠNG THỊ NHƯ	TUYẾT	13/05/06	EM24111			
26	22401687	NGUYỄN	TÚ	11/02/05	SE24111			
27	22402415	PHAN ĐOÀN ANH	TÚ	20/12/06	DK24111			
28	22401696	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	16/02/06	DM24111			
29	22402271	TRỊNH KỲ	VĂN	28/10/06	DM24111			
30	22401757	TRẦN NGỌC KHÁNH	VY	21/07/06	DK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4200 – Số hiệu lớp: 1529
Giảng viên: Nguyễn Phan Thu Thảo
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403010	TRẦN NHẬT	ANH	05/07/04	EC24111			
2	22402542	NGUYỄN CHÂU GIA	BẢO	23/10/06	DK24111			
3	22402921	LƯƠNG NGỌC YẾN	BÌNH	01/01/06	DK24111			
4	22402889	VÕ BẢO	CHÂU	18/12/06	DM24111			
5	22402725	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	17/04/06	DK24111			
6	22402922	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	27/01/06	DM24111			
7	22402974	NGÔ NGUYỄN QUỐC	HUY	01/10/06	EC24111			
8	22402931	TẶNG PHÚC	HƯNG	10/11/06	TT24111			
9	22400350	LÊ VŨ ANH	KHÔI	08/09/03	DK24111			Cấm thi
10	22402898	ĐÀO NGỌC BẢO	LINH	20/05/06	DM24111			
11	22403026	TRỊNH GIA	LINH	03/02/06	EC24111			
12	22402741	LÊ QUANG	LONG	28/07/06	DM24111			
13	22402899	PHÙNG CÙNG	LỢI	22/07/06	DK24111			
14	22402811	LẠI PHƯƠNG	MAI	30/09/03	DK24111			
15	22403196	LÝ VĨ	MINH	18/07/06	EC24111			
16	22402848	PHẠM BẢO KHÁNH	MINH	30/08/06	EM24111			
17	22403221	HONG QUANG	MỸ	03/12/06	DK24111			
18	22402692	PHAN CHÍ	NGHĨA	06/12/04	TT24111			
19	22402471	LÊ HOÀNG GIA	PHÁT	14/11/06	DK24111			
20	22402879	TRẦN NGUYỄN TUẤN	PHONG	03/02/06	DK24111			
21	22402911	ĐỖ GIA	PHÚ	19/08/06	DM24111			
22	22402845	HOÀNG HỒNG MAI	PHƯƠNG	31/10/06	EM24111			
23	22403207	SÒI NGỌC	SƠN	05/09/04	SE24111			
24	22403138	LÊ TẤN	TÀI	19/11/04	DK24111			Cấm thi
25	22402944	NGUYỄN	THẮNG	31/07/06	SE24111			
26	22204729	ĐỖ VĨ	TIẾN	20/09/94	TT22111			
27	22400670	TRẦN THỊ KHÁNH	VÂN	26/06/04	LG24111			Cấm thi
28	22402702	LÂM TRÚC	VY	15/01/06	DK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 2500 – Số hiệu lớp: 1512
Giảng viên: Thái Thị Thanh Tuyền
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 110 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403024	VŨ GIA	BẢO	04/12/06	QL24111			
2	22401369	PHẠM NGUYỄN MINH	CHÍ	28/01/06	QL24111			
3	22400583	NGUYỄN CÔNG	DANH	15/10/06	QL24111			Cấm thi
4	22400911	ĐỖ THÁI HUY	HÀO	12/01/06	QL24111			
5	22401397	HÀ TRÍ	HẢI	04/04/05	QL24111			Cấm thi
6	22402774	NGUYỄN TUẤN	HẢI	22/05/06	QL24111			
7	22402764	LÊ NGUYỄN XUÂN	HIẾU	10/05/06	QL24111			
8	22402726	ĐẶNG THÁI	HÒA	25/09/06	QL24111			
9	22401533	PHAN ĐẠT	HUY	21/09/05	QL24111			
10	22400712	TRẦN PHẠM MINH	HUY	13/08/06	QL24111			
11	22401003	HỒ VĨ	HƯNG	22/03/06	QL24111			
12	22401613	NGUYỄN TRẦN	KHA	30/04/06	QL24111			
13	22403007	TRƯƠNG TUẤN	KHANH	28/11/06	QL24111			
14	22401112	HỨA DUY	KHẢI	18/03/06	QL24111			
15	22401350	PHẠM ĐÌNH MINH	KHÔI	29/12/06	QL24111			
16	22401297	LAI KIM	MINH	01/11/06	QL24111			Cấm thi
17	22400073	NGÔ HOÀNG BẢO	NGỌC	01/01/06	QL24111			
18	22400464	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	19/12/05	QL24111			
19	22401358	LÊ QUANG	NHẬT	02/10/06	QL24111			
20	22401353	QUÁCH THIÊN	PHONG	11/04/06	QL24111			
21	22101645	ĐỖ THIÊN	PHÚC	11/05/03	PB21111			
22	22402301	NGUYỄN ĐOÀN	PHÚC	05/04/06	QL24111			
23	22401698	NGUYỄN LÊ HỒNG	QUÂN	06/12/95	QL24111			
24	22401340	ĐỖ NGỌC	SƠN	23/08/06	QL24111			
25	22400939	LÝ TUẤN	TÀI	14/08/06	QL24111			
26	22401270	NGUYỄN MINH	TÀI	17/09/06	QL24111			
27	22402056	PHẠM NHỰT	TÂN	14/05/06	QL24111			
28	22401590	TRẦN THÁI HỮU	THỊNH	11/02/06	QL24111			
29	22402713	HUỖNH GIA	TIẾN	16/11/06	QL24111			
30	22401639	LÊ VĂN	TIẾN	15/11/06	QL24111			Cấm thi
31	22400425	ĐẶNG BẢO	TÍN	22/11/02	QL24111			
32	22401271	NGUYỄN BÁ	TOÀN	09/01/06	QL24111			
33	2190865	ĐỖ THỊ THANH	TRĂM	18/08/01	KS19111			
34	22400935	TRƯƠNG CÔNG	TRÚ	31/08/06	QL24111			Cấm thi
35	22400196	NGUYỄN THANH	TÙNG	28/10/06	QL24111			
36	22403124	LÊ MINH CÁT	TƯỜNG	18/05/06	QL24111			
37	22401359	NGUYỄN NHÂN	VĂN	04/11/06	QL24111			
38	22402745	ĐÀO HUỖNH ANH	VŨ	30/08/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3100 – Số hiệu lớp: 1518
Giảng viên: Nguyễn Thị Trang
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 013 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400428	TRẦN THUY	AN	11/09/04	TN24111			
2	22400127	MAI LÊ LAN	ANH	20/01/06	LG24111			
3	22000663	NGUYỄN VÂN	ANH	18/11/02	KS20111			
4	22400487	ĐẶNG VĂN CHÍ	CƯỜNG	14/06/06	TK24111			
5	22112055	NGUYỄN CÔNG	DANH	31/10/03	KN21111			Cấm thi
6	22400477	NGUYỄN KHÁNH	DUY	18/01/04	MC24111			
7	22400396	NGUYỄN HOÀNG GIA	HÂN	26/10/06	LG24111			
8	22401031	LƯU TUYẾT	HOA	15/05/06	TN24111			
9	22400160	BẰNG LƯU QUANG	HUY	21/12/06	NL24111			
10	22400197	NGUYỄN QUỐC	HUY	17/01/06	MK24111			
11	22400189	ĐOÀN XUÂN	HƯƠNG	01/08/04	TC24111			
12	22400406	LÊ QUANG	KHÁNH	19/01/06	MK24111			
13	22400223	LÊ HẢI	KIM	16/01/03	MC24111			
14	22400094	NGUYỄN PHÚC	LỘC	06/07/04	TK24111			Cấm thi
15	22400331	NGUYỄN NGỌC THUY	NGÂN	02/02/06	MK24111			
16	22400379	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	23/03/06	TC24111			
17	22400179	ĐÀO THANH	NGUYỆT	14/03/06	MK24111			
18	22400444	NGUYỄN THUY YẾN	NHI	14/11/04	MC24111			
19	22400126	TRẦN ĐÌNH THẢO	NHI	05/02/05	MC24111			
20	22400345	BÙI QUỐC	PHA	18/03/06	TK24111			
21	22400450	HỒ GIA	PHÁT	26/07/06	LG24111			Cấm thi
22	22400474	HOÀNG QUỐC	QUÂN	15/07/05	TV24111			
23	22400114	LÊ NGUYỄN MINH	TÂM	09/06/04	TK24111			
24	22400335	LÊ MINH	TÂN	10/12/02	LG24111			
25	22400050	TRẦN BÌNH	THÀNH	16/01/05	LG24111			
26	22402844	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	08/05/05	MC24111			
27	22400085	NGUYỄN MINH	THĂNG	15/01/05	MK24111			
28	22400356	NGUYỄN THẢO ANH	THƯ	28/03/06	MC24111			
29	22400195	TRẦN MAI THỦY	TIẾN	18/03/06	MK24111			
30	22400394	NGUYỄN THẾ	VINH	16/10/06	LG24111			
31	22112171	HUỲNH THỊ ANH	VY	03/12/03	EM21111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3200 – Số hiệu lớp: 1519
Giảng viên: Nguyễn Thanh Tùng
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 010 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400539	VŨ NGUYỄN HƯNG	AN	03/10/02	DA24111			Cấm thi
2	22400675	DƯƠNG TUẤN	ANH	22/12/06	TC24111			
3	22403160	NGUYỄN HẢI	ANH	10/08/99	LG24111			
4	22400522	NGUYỄN KIM	ANH	23/02/06	MC24111			
5	22104441	BÙI NGỌC NHÂN	ÁI	05/11/03	TT21111			
6	22106212	TRẦN QUỲNH NHẬT	ÁNH	06/01/03	EM21111			
7	22400549	PHAN THÀNH	ĐỨC	24/07/06	TC24111			
8	22400517	NGUYỄN CAO QUANG	HUY	07/04/06	LG24111			
9	22400647	NGUYỄN NỮ AN	KHƯƠNG	02/03/06	DA24111			
10	22400523	NGUYỄN ANH	KIỆT	13/11/04	TK24111			
11	22400503	VÕ HUỲNH KHÚC	LAN	08/10/02	MK24111			
12	22400689	HOÀNG	LONG	18/09/06	TN24111			Cấm thi
13	22400519	VŨ HOÀNG KHÁNH	NGÂN	28/11/06	LG24111			
14	22400637	LƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	02/03/05	MK24111			
15	22400616	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	07/10/03	LG24111			
16	22400526	TẶNG PHÚC	NGUYỄN	18/10/06	DA24111			
17	22400494	ĐOÀN TRƯỜNG	PHÁT	17/08/02	LG24111			Cấm thi
18	22400628	TRƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	11/02/06	MC24111			
19	22400501	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	22/05/06	MC24111			
20	22400707	TRẦN TUỆ	SANG	06/12/05	TK24111			
21	22400608	TRƯƠNG TUYẾT	SƯƠNG	29/07/06	LG24111			
22	22400567	CHÂU MỸ	TÂM	06/03/06	TC24111			
23	22400499	NGUYỄN TUẤN	THANH	28/10/06	LG24111			
24	22400553	LÊ PHÚC	THÀNH	04/12/06	MC24111			
25	22400498	VÕ TẤN	THÀNH	18/09/06	TN24111			
26	22400515	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	15/12/06	MC24111			
27	22400686	BÙI NGỌC QUỐC	THỊNH	14/03/06	TN24111			
28	22400724	NGUYỄN LÊ	THUẦN	06/03/06	LG24111			
29	22400677	BÙI NGỌC ANH	THƯ	13/09/06	NL24111			Cấm thi
30	22400604	NGUYỄN HỒ THANH	VÂN	20/08/06	DA24111			
31	22400619	ĐẶNG TRẦN HẢI	YẾN	28/09/95	TK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3300 – Số hiệu lớp: 1520
Giảng viên: Đàm Tấn Thành
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 011 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400134	VÕ HOÀNG MINH	ANH	07/12/06	MC24111			
2	22400742	LƯU DIỆU	ÁI	29/05/03	TC24111			
3	22400895	VÕ HOÀNG QUỐC	BẢO	04/06/06	TK24111			
4	22400770	HỨA MỸ	CHÂU	01/06/06	MC24111			
5	22400769	VŨ THỊ THANH	ĐAN	12/10/06	DA24111			
6	22400825	TẶNG VĂN	ĐẶNG	14/01/06	MC24111			
7	22400728	LÊ PHẠM GIA	HÂN	31/08/06	MC24111			
8	22400876	CAO HOÀNG PHI	HÙNG	17/01/06	MC24111			
9	22400860	HUỲNH THANH	HƯƠNG	05/11/05	MC24111			
10	22400774	HUỲNH MINH	KHÔI	25/05/05	LG24111			
11	22400768	LÒ THUY BẢO	KHUYỀN	13/06/06	LG24111			
12	22400810	LƯU TIỂU	MÃN	12/03/06	TC24111			
13	22400320	LỖ HẠ	MY	26/03/06	MC24111			
14	22400848	NGUYỄN HUỲNH THÁI	NGỌC	27/11/06	LG24111			
15	22400904	PHAN ĐIỂM	NGỌC	07/07/06	MK24111			
16	22400858	VÕ PHAN ÁNH	NGUYỆT	10/07/06	NL24111			
17	22400920	TRẦN KIM	NGUYỄN	31/07/06	MC24111			
18	22400809	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	15/01/06	LG24111			
19	22400750	CHÂU THÀNH	PHÁT	18/10/06	DA24111			
20	22400754	HỒ TUẤN	PHƯƠNG	03/11/06	DA24111			
21	22400739	ĐẶNG THÚY	QUỲNH	15/10/05	MC24111			
22	22400918	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	14/12/05	MK24111			
23	22400817	NGUYỄN NGỌC MINH	THUY	26/07/06	TC24111			
24	22400762	LA NGUYỄN NHẬT	TIẾN	07/09/05	MC24111			
25	22400743	ĐINH THỊ THUY	TRANG	20/11/05	TC24111			
26	22400773	PHAN UYÊN	TRANG	04/02/06	MC24111			
27	22400833	TRẦN NGUYỄN TÚ	TRINH	21/09/06	LG24111			
28	22400864	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	23/10/06	MC24111			
29	22400814	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	24/03/06	TK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 3400 – Số hiệu lớp: 1521
Giảng viên: Võ Minh Nhã
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 012 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401022	ĐẶNG NGỌC QUỲNH	ANH	15/09/06	LG24111			
2	22401015	PHẠM TUẤN	ANH	25/01/02	MC24111			
3	22400981	LÊ NGỌC	BÍCH	15/03/06	MK24111			
4	22400994	HỒNG NGỌC	BỘI	04/10/06	MC24111			
5	22300139	LÂM TUỆ	BỬU	19/11/04	MK23111			
6	22401027	DƯƠNG NGỌC THÙY	DUNG	24/08/06	LG24111			
7	22400963	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	27/11/04	TN24111			
8	22400937	LÊ THIÊN PHƯƠNG	GIANG	10/08/06	TK24111			
9	22400953	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	13/06/06	LG24111			
10	22400962	LAİ GIA	HÂN	04/10/06	MC24111			
11	22400933	VÕ VĂN	KIỆT	26/09/06	MK24111			
12	22400985	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGÂN	27/04/06	MK24111			
13	22400949	VÕ NGUYỄN TUYẾT	NHI	05/12/06	TN24111			
14	22400982	NGUYỄN HUỲNH BẢO	NHƯ	24/11/06	MK24111			
15	22400092	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	17/08/02	NH24111			
16	22400961	VÕ CHÂU ÁI	PHƯƠNG	09/09/06	TC24111			
17	22400988	ĐOÀN CÔNG	QUÍ	27/03/06	TN24111			
18	22401000	LÊ THANH	THẢO	08/12/06	MC24111			
19	22401026	NGUYỄN NGỌC ĐOAN	TRANG	25/05/05	TN24111			
20	22401025	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	27/11/06	MK24111			
21	22401007	NGUYỄN KIỀU	TRINH	03/01/06	LG24111			
22	22400943	NGUYỄN NGỌC TÚ	TRINH	14/12/05	LG24111			
23	22400983	HUỲNH ANH	TUẤN	15/10/06	LG24111			
24	22400942	NGÔ HOÀNG	TUẤN	05/03/06	TC24111			
25	22401028	NGUYỄN PHẠM MINH	TUẤN	30/07/06	MC24111			
26	22401029	NGÔ LÊ	VÂN	28/04/06	LG24111			
27	22400999	NGUYỄN PHÚ	VINH	11/11/06	TN24111			
28	22400978	ĐỖ ÁNH GIA	VY	04/03/04	NL24111			
29	22401005	HUỲNH THẢO MINH	VY	17/02/06	MC24111			
30	22400927	NGUYỄN THẢO	VY	21/08/06	TK24111			
31	22400975	NGUYỄN THẢO KHÁNH	VY	12/02/03	LG24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4300 – Số hiệu lớp: 1530
Giảng viên: Nguyễn Phan Thu Thảo
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 014 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401069	NGUYỄN NGỌC VÂN	ANH	14/01/06	MK24111			
2	22400431	NGUYỄN THẾ HOÀNG	ANH	22/06/06	LG24111			
3	22401120	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	ANH	26/10/06	LG24111			
4	22401306	TRƯƠNG NHẬT	ANH	10/09/06	MK24111			
5	22401127	TRẦN ĐÌNH TÂM	ĐAN	16/01/06	LG24111			
6	22401078	NGUYỄN ANH	HÀO	01/11/06	MK24111			Cấm thi
7	22401047	NGUYỄN NHẬT	HUÂN	27/10/06	DA24111			
8	22401108	DƯƠNG QUỐC	HƯNG	21/12/04	MK24111			Cấm thi
9	22401140	ĐẶNG BẢO	KHANG	26/03/06	MC24111			
10	22401042	TRẦN MẠNH QUỐC	KHÔI	28/10/06	DA24111			
11	22401129	VÕ BÁ	KHÔI	12/02/06	MC24111			
12	22401100	NGUYỄN NGỌC DUY	KIỆT	22/08/06	MC24111			
13	22401084	TRẦN ANH	KIỆT	07/10/06	LG24111			
14	22401281	DƯƠNG KHÁNH	LINH	01/01/06	MK24111			
15	22401086	TRẦN LÊ TRÚC	LINH	07/05/06	MK24111			
16	22401094	TRƯƠNG THỊ THU	NGÂN	26/12/03	TK24111			
17	22401068	LƯƠNG QUÍ TRUNG	NGHĨA	17/10/06	LG24111			
18	22401089	NGUYỄN MINH BẢO	NGỌC	04/08/06	LG24111			
19	22401158	NGUYỄN DƯƠNG TRỌNG	NHÂN	02/01/06	DA24111			
20	22401096	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	06/12/06	MC24111			
21	22401075	TRẦN TẤN	PHÁT	16/05/06	TN24111			Cấm thi
22	22401104	DƯƠNG HÀ	PHƯƠNG	29/06/06	MC24111			
23	22401073	TRANG THANH	QUANG	10/06/06	LG24111			
24	22401097	LÊ NGUYỄN TRỌNG	QUÝ	05/02/06	DA24111			
25	22401291	PHAN TẠ BẢO	THIỆN	19/02/06	NL24111			
26	22401057	LƯU KIM	THÚY	01/09/06	MC24111			
27	22400216	NGUYỄN LÝ MINH	THỨ	18/05/06	MC24111			
28	22401175	TRẦN THỊ ANH	THỨ	06/01/06	MC24111			
29	22401053	HOÀNG DUY	THỨC	08/08/06	MK24111			
30	22401090	NGUYỄN GIA YẾN	TRANG	15/12/06	MC24111			
31	22401729	NGUYỄN ĐỖ THẢO	VY	06/04/03	NT24111			
32	22401168	TRƯƠNG HẢI	YẾN	09/02/06	TK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4400 – Số hiệu lớp: 1531
Giảng viên: Nguyễn Thị Huệ
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401456	NGUYỄN QUỐC	AN	22/04/04	NL24111			Cấm thi
2	22401562	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	18/07/06	TC24111			
3	22401320	PHÙNG THỊ LAN	ANH	08/06/06	MK24111			
4	22401321	TRẦN THỊ KIM	ANH	12/02/06	TN24111			
5	22401381	TRỊNH PHÁT	ĐẠT	07/02/06	MC24111			
6	22002812	DƯƠNG ĐẠI	ĐỒNG	10/05/02	KS20111			
7	22401468	MAI MINH	HIỆU	15/04/06	MC24111			
8	22401532	PHẠM MINH	HIỆN	07/01/05	DA24111			
9	22401477	ĐOÀN KHÁNH	LINH	04/01/06	LG24111			
10	22401338	TRẦN VŨ HOÀNG	LUÂN	07/03/06	LG24111			
11	22401481	NGUYỄN	MÃN	07/05/06	MC24111			
12	22401307	LƯU GIA	MỸ	20/12/06	MK24111			
13	22401480	NGUYỄN LÊ QUANG	NHẬT	03/03/06	NL24111			
14	22401454	NGUYỄN LÊ QUỲNH	NHƯ	03/09/06	MC24111			
15	22401537	NGUYỄN PHAN QUỲNH	NHƯ	25/01/06	LG24111			
16	22401377	LÊ ANH	PHƯƠNG	07/12/05	DA24111			Cấm thi
17	22401295	NGUYỄN ANH	PHƯƠNG	16/12/06	MK24111			
18	22401569	NGUYỄN PHÙNG CÁT	PHƯỢNG	22/01/06	TC24111			
19	22401525	PHẠM ANH	TÀI	23/04/06	LG24111			
20	22401310	VĂN THỊ NGỌC	THỊNH	08/01/06	MC24111			
21	22401372	BÙI THỊ THANH	THUY	16/02/06	MC24111			
22	22401511	LƯU NGUYỄN PHƯƠNG	THUY	10/05/06	MC24111			
23	22401571	HUỲNH THÁI	TUẤN	06/10/06	DA24111			
24	22401453	TRẦN NGUYỄN GIAO	TUYỀN	01/01/05	MC24111			
25	22401328	NGUYỄN HOÀNG TÚ	UYÊN	09/09/06	TK24111			
26	22401458	HUỲNH NGUYỄN PHƯƠNG	VY	09/07/06	MC24111			
27	22401413	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	27/05/06	MK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4500 – Số hiệu lớp: 1532
Giảng viên: Võ Thị Minh Hạnh
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401644	NGUYỄN TẤN	AN	20/04/05	MC24111			
2	22401606	NGUYỄN VƯƠNG QUỐC	ANH	27/01/06	LG24111			
3	22401806	PHÙNG LÂM	HÂN	10/01/06	MK24111			
4	22401833	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	27/04/06	LG24111			
5	22401832	BÙI VĂN	KHẢI	13/06/06	NL24111			
6	22401749	VŨ HOÀNG ANH	KHOA	09/01/06	MK24111			
7	22401692	PHAN VÕ HÀ	MY	15/04/06	MK24111			
8	22401653	PHẠM TĂNG THANH	NGÂN	19/12/06	MK24111			
9	22401754	VÕ CẨM	NGHI	29/01/06	TC24111			
10	22401677	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	18/12/06	NL24111			
11	22401626	LÊ ĐÀM QUANG	NHẬT	26/08/06	MC24111			
12	22401718	BÙI ĐÌNH	PHÁT	09/06/06	MC24111			Cấm thi
13	22401770	HỒ NGUYỄN TẤN	PHÁT	10/05/06	TN24111			
14	22401726	PHẠM HOÀNG MINH	PHƯƠNG	16/08/06	TN24111			
15	22401768	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	05/01/05	MK24111			
16	22401645	TRẦN HỮU	SANG	05/07/06	LG24111			
17	22401574	NGUYỄN THU THANH	THẢO	14/12/06	TN24111			
18	22401680	ĐÌNH QUỐC	THẮNG	18/09/06	TN24111			Cấm thi
19	22401581	NGUYỄN LAM	THY	28/03/06	MC24111			
20	22401845	PHẠM NGUYỄN MINH	TIẾN	16/11/06	LG24111			
21	22401662	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	12/12/06	DA24111			
22	22401746	NGUYỄN TRỌNG	TRƯỜNG	26/05/06	LG24111			
23	22401870	LÂM PHƯƠNG	UYÊN	07/08/06	MC24111			
24	22401582	KA LÔ IT LÊ	VY	28/11/06	TC24111			
25	22401914	LÊ KHÁNH	VY	02/09/04	MK24111			
26	22401583	NGUYỄN NGỌC THUÝ	VY	30/06/06	NL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4600 – Số hiệu lớp: 1533
Giảng viên: Lê Kim Hòa
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402225	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	ANH	11/03/06	TC24111			
2	22402130	HUỲNH QUỐC	CƯỜNG	11/06/06	LG24111			
3	22402611	LÊ QUỐC	HÀO	21/10/06	TC24111			
4	22402635	NGUYỄN HÙNG	HẬU	29/08/06	TC24111			
5	22206191	VŨ TRỌNG	KHẢI	02/07/04	AI22111			
6	22402678	NGUYỄN THÁI VŨ	LÂM	26/12/05	TN24111			
7	22402179	ĐỖ UYÊN	MY	07/11/06	MK24111			
8	22402108	HỒ THỊ TRÀ	MY	18/04/06	TC24111			
9	22402188	NGUYỄN NHẬT	NAM	25/02/06	MC24111			
10	2193339	PHAN HOÀI	NAM	15/08/01	MK19111			
11	22402699	NGUYỄN QUỲNH BẢO	NGỌC	16/11/06	TC24111			
12	22401938	LƯU TẤN	NHẬT	19/10/06	TC24111			
13	22401968	NGUYỄN THÁI HIỀN	NHI	24/01/06	LG24111			
14	22402173	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	NHI	16/03/06	MK24111			Cấm thi
15	22402482	TRẦN PHẠM THẢO	NHI	23/12/06	LG24111			
16	22140211	NGUYỄN VÕ PHƯƠNG	NHUNG	01/09/03	NT21111			
17	22402083	LÊ NGỌC QUỲNH	NHƯ	14/10/06	MC24111			
18	22402694	NGUYỄN HỒ NGỌC	NHƯ	08/06/06	MK24111			
19	22402728	HOÀNG THỊ LÂM	OANH	14/04/06	MK24111			
20	22402272	LÊ LÂM HOÀNG	OANH	17/10/06	LG24111			
21	22402894	NGUYỄN TẤN	PHÁT	13/03/05	TC24111			
22	22402032	TRẦN NGỌC	PHỤNG	21/11/06	NL24111			
23	22401923	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	08/08/02	TC24111			
24	22402680	LƯƠNG VĨNH	SANH	13/10/06	MK24111			
25	22402686	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	THUY	08/04/06	NL24111			
26	22402020	TRẦN PHƯƠNG ANH	THƯ	19/05/06	TN24111			
27	22401963	TRẦN THANH ĐIỂM	THY	28/05/05	TC24111			
28	22401988	HUỲNH TÚ	TRANG	10/09/06	MK24111			
29	22402054	NGUYỄN PHẠM NGỌC	TỶ	24/05/06	NL24111			
30	22402180	TRẦN HUỲNH TÚ	UYÊN	09/03/06	MK24111			
31	22402081	NGUYỄN ĐỨC	VIỆT	28/07/06	MK24111			Cấm thi
32	22402736	PHAN QUANG	VINH	26/04/06	TC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 3 (GE003DV01) – Số tín chỉ: 0.00
Lớp học phần: 4700 – Số hiệu lớp: 1534
Giảng viên: Trần Kim Thảo
Ngày thi: 19/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 018 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22403156	PHAN NGÔ HÒA	AN	27/01/06	TN24111			
2	22402762	HÀ NGỌC MỸ	ANH	01/05/06	MK24111			
3	22402869	NGUYỄN TUYẾT NGOC	CHÂU	31/05/06	MK24111			
4	22402943	TRẦN THỊ KIM	CHI	05/08/06	LG24111			
5	22402950	TRẦN TUẤN	ĐẠT	11/11/05	LG24111			
6	22402820	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	12/04/06	MK24111			
7	22402825	HÀ TUẤN	HIỀN	27/08/06	MC24111			
8	22402808	NGUYỄN PHAN GIA	HUY	19/02/06	TC24111			
9	22402861	NGUYỄN TRẦN GIA	HUY	08/10/06	TC24111			
10	22402924	NGUYỄN HOÀNG GIA	KHANG	20/01/06	TC24111			
11	22403082	NGUYỄN HOÀNG MINH	KHÔI	15/07/03	MC24111			
12	22403019	OBA	KIÊN	09/02/04	LG24111			
13	22402866	BÙI THỊ THUỖ	LINH	25/01/06	LG24111			
14	22402828	HUỲNH SONG	NGÂN	25/10/06	NL24111			
15	22403111	VÕ KIM	NGÂN	19/08/06	LG24111			
16	22402901	LÊ NGỌC QUỲNH	NHƯ	10/08/06	MK24111			
17	22402868	LÃ DUY	PHÚC	26/04/06	MK24111			
18	22402927	NGÔ TRẦN THIÊN	PHÚC	14/10/06	DA24111			
19	22402884	BÙI THỊ BÍCH	PHƯỢNG	28/02/06	LG24111			
20	22402976	NGUYỄN CHÍ	QUANG	17/05/06	LG24111			
21	22402739	ĐỖ MINH	QUÂN	24/01/06	LG24111			
22	22403189	NGUYỄN MINH	QUYÊN	13/11/03	NL24111			Cấm thi
23	22402873	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	04/08/06	MK24111			
24	22402778	NGUYỄN TẤN	SANG	20/08/06	NL24111			
25	22402752	TÔ ĐỨC	SINH	26/11/06	LG24111			Cấm thi
26	22402817	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	27/11/06	LG24111			
27	22403220	TRẦN TUẤN	TÀI	08/07/03	MK24111			
28	22402904	LÝ KHÁNH	VÂN	12/01/06	MK24111			
29	22402787	NGUYỄN QUANG	VINH	18/10/06	LG24111			
30	22402838	NGUYỄN HOÀNG NHƯ	Ý	13/04/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5000 – Số hiệu lớp: 1535
Giảng viên: Hoàng Tô Thư Dung
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 112 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402807	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	03/06/06	KS24111			
2	22402819	NGŨ QUỐC HỒNG	ÂN	29/10/06	DL24111			Cấm thi
3	22401641	LÊ HOÀI	BẢO	11/11/06	KS24111			Cấm thi
4	22400659	HUỲNH KHANG	BÌNH	08/05/06	KS24111			
5	22400872	NGUYỄN MINH	CHÂU	24/02/06	KS24111			
6	22400861	HUỲNH THỊ MINH	DINH	09/08/06	KS24111			
7	22400387	DƯƠNG PHƯỚC	HẢI	09/11/06	DL24111			
8	22400705	TÔ NAM	HẢI	12/05/06	KS24111			
9	22401152	HUỲNH PHẠM NGỌC	HÂN	23/09/06	KS24111			
10	22402823	CHUNG THANH	HIỂN	15/07/06	DL24111			
11	22400367	ĐINH ĐỨC	HÒA	08/12/06	KS24111			
12	22401176	NGUYỄN MINH	KHANG	29/01/06	KS24111			
13	22401931	PHẠM MINH	KHÁNH	25/12/06	AI24111			
14	22401895	VÕ TRUNG	KIẾN	30/03/06	NH24111			
15	22401519	TRẦN ĐOAN PHƯƠNG	LINH	18/12/06	KS24111			
16	22402705	HUỲNH	MAI	28/06/06	KS24111			
17	22400847	NGUYỄN HOÀNG HẢI	MY	17/12/06	KS24111			
18	22401111	NGUYỄN ĐỖ THỊ NGỌC	MY	21/04/06	DL24111			
19	22402863	HOÀNG PHƯƠNG	NAM	06/06/06	DL24111			
20	22402727	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	NGHI	05/06/06	KS24111			
21	22403046	TẶNG MỸ	NGHI	14/10/06	NH24111			
22	22401633	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	30/03/06	NH24111			
23	22400456	TRẦN XUÂN	NHI	16/10/06	KS24111			
24	22401706	LƯƠNG GIA	NHON	10/01/06	NH24111			
25	22401826	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NINH	10/02/06	NT24111			
26	22401655	VÕ TRẦN HUY	PHÁT	23/04/06	NH24111			
27	22403095	HUỲNH THIÊN	PHÚC	19/08/06	NH24111			
28	22400824	PHẠM XUÂN	QUỲNH	02/07/06	KS24111			
29	22401072	CÁI HOÀNG	SANG	28/02/06	NH24111			
30	22401546	PHẠM THỊ THANH	TÂM	26/05/06	DM24111			
31	22400610	TỔNG MINH	THI	16/06/06	KS24111			
32	22401637	NGUYỄN HƯNG	THỊNH	18/08/06	NH24111			
33	22401478	ĐỖ THỊ MINH	THƯ	29/12/06	KS24111			
34	22401389	LƯU ANH	THƯ	03/01/06	KS24111			
35	22400657	VŨ ANH	THƯ	09/12/06	NH24111			
36	22400890	TRẦN NGỌC THỦY	TIỀN	01/03/06	KS24111			
37	22401545	NGUYỄN HIẾU	TRUNG	23/09/06	KS24111			
38	22402955	NGÔ THANH	TRÚC	18/06/06	DL24111			
39	22402097	BÙI KHÁNH	VÂN	08/07/06	KS24111			
40	22402915	HOÀNG PHƯƠNG	VY	09/07/06	KS24111			
41	22402923	TRẦN PHẠM HÀ	VY	15/05/06	NT24111			

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
42	22402883	VÕ HOÀNG UYÊN	VY	10/10/06	AI24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5300 – Số hiệu lớp: 1538
Giảng viên: Trương Trúc Quỳnh
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400922	TRẦN LÊ BÌNH	AN	25/05/06	PR24111			
2	22400590	NGUYỄN CAO PHƯƠNG	ANH	24/09/06	PR24111			
3	22400586	NGUYỄN ĐỨC PHƯỚC	ANH	14/11/06	TV24111			Cấm thi
4	22400577	KHUU HIỀN	ÂN	24/09/05	TV24111			
5	22400203	LÊ THỊ HOÀI	ÂN	22/08/06	PR24111			
6	22400037	PHẠM LINH	CHI	18/10/05	TV24111			
7	22400891	TRANG MINH	CHIẾN	24/06/06	TV24111			
8	22400655	CHU SÙNG	DUY	22/12/04	TV24111			
9	22400944	NGUYỄN KHẢI	DUY	25/02/05	FT24111			
10	22400965	NGUYỄN QUỐC	ĐẶNG	02/05/06	FT24111			
11	22400516	BÙI HOÀNG Y	ĐÌNH	13/10/06	PR24111			
12	22400401	LÊ THỊ THANH	HIỀN	11/03/06	TV24111			
13	22400917	NGUYỄN QUỐC	HUY	08/06/00	KT24111			
14	22122566	PHAN NGUYỄN GIA	HUY	29/07/03	TLNL21111			
15	22400883	NGUYỄN NGỌC	HƯNG	04/08/06	NT24111			
16	22400405	ĐẶNG THỊ MAI	HƯƠNG	14/10/06	TV24111			
17	22207772	TRƯƠNG THỊ KIM	HƯƠNG	24/09/03	NT22111			
18	22207705	PHAN THÀNH	KHANG	08/05/03	MK22111			
19	22400473	BÙI CHÍ	KHANH	25/01/06	FT24111			
20	22400687	VŨ TRỌNG	KHÁNH	02/10/06	KS24111			
21	22400470	HUYỀN PHẠM ĐĂNG	KHOA	22/10/06	PR24111			
22	22400461	PHẠM THỊ TUYẾT	LAN	17/10/06	TV24111			
23	22400535	LƯƠNG THANH	LỄ	08/04/06	TV24111			
24	22400709	ĐỖ HUY	LONG	24/05/06	TV24111			
25	22204711	PHẠM HỒ XUÂN	MAI	15/07/04	NT22111			
26	22401500	HỒ MINH	NGUYỆT	02/02/01	TT24111			
27	22400829	TRẦN ĐOÀN PHƯỚC	NGUYỄN	31/10/06	TV24111			
28	22400205	LƯƠNG MỸ	NHƯ	30/03/06	KT24111			
29	22400098	TRẦN QUỲNH	NHƯ	17/03/06	NT24111			
30	22400175	NGÔ VÕ MINH	QUÂN	26/06/06	TV24111			
31	22207647	NGUYỄN VĂN PHÚ	QUỐC	12/10/02	TV22111			
32	22400822	VIÊN ĐỨC	THÀNH	06/05/06	TV24111			
33	22400632	NGUYỄN KIM	THẢO	08/06/06	PR24111			
34	22118584	LÊ THÀNH	THUẬN	15/06/03	LG21111			
35	22400552	PHÙNG ANH	THƯ	02/03/06	PR24111			
36	22400429	LÊ THỊ GIÁNG	TIỀN	25/04/06	TV24111			
37	22400142	NGUYỄN THÚY	VÂN	07/08/06	KT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5400 – Số hiệu lớp: 1539
Giảng viên: Nguyễn Chí Thành
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401012	HUỲNH NHỰT VÂN	ANH	27/10/06	NT24111			
2	22401724	NGUYỄN NGUYỄN TRÚC	ANH	20/05/06	NT24111			
3	22401558	NGUYỄN ĐỨC GIA	BẢO	22/02/06	TV24111			
4	22302509	VÕ THỊ QUỲNH	CHÂU	10/08/01	NT23111			
5	22401604	LÊ PHƯƠNG	DANH	25/03/00	PR24111			
6	22401538	ĐÌNH TRẦN TRÍ	DŨNG	22/06/06	TV24111			
7	22002657	MAI CHÍ	DŨNG	03/07/02	DM20111			
8	22401122	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	03/03/06	TV24111			
9	22401124	LÊ THỊ NGỌC	GIÀU	11/08/06	NT24111			
10	22401640	TRẦN MINH	HIỂU	24/08/06	TV24111			
11	22401527	NGUYỄN TRUNG	HIỂU	31/01/06	FT24111			
12	22401171	PHAN HỒ VĨNH	HOÀNG	16/06/06	NT24111			
13	22401113	NGUYỄN LỮ	HỒNG	02/08/06	TV24111			
14	22401081	NGUYỄN KIỀU GIA	HUY	27/02/05	KS24111			
15	22400998	HUỲNH THIÊN	HƯƠNG	21/05/06	NT24111			Cấm thi
16	22400455	NGUYỄN PHÚ	KHÁNH	13/04/06	KS24111			
17	22400654	NGUYỄN LÊ TUẤN	KHOA	13/03/06	LG24111			
18	22401783	HOÀNG KHÁNH	LINH	18/08/06	TV24111			
19	22401654	BÙI GIA	LỘC	29/06/06	TV24111			
20	22401091	NGUYỄN HOÀNG	MINH	08/04/06	NT24111			
21	22401101	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	NGA	03/08/06	NT24111			
22	22401659	LÊ THỊ KIM	NGÂN	05/12/06	TV24111			
23	22401412	NGUYỄN PHƯƠNG	NGUYỄN	19/05/06	NT24111			
24	22401393	TRƯƠNG THỊ HỒNG	NHUNG	13/08/06	NT24111			
25	22401404	TRẦN LÊ Ý	NHƯ	24/12/06	TV24111			
26	22401323	HUỲNH XUÂN	PHÁT	12/01/06	PR24111			
27	22401570	ĐẶNG CHÂU NHƯ	QUỲNH	22/04/06	KT24111			
28	22111684	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	02/03/03	TV21111			
29	22401045	NGUYỄN TRUNG	THÔNG	17/09/06	TV24111			
30	22401050	NGUYỄN MINH	THƯ	17/10/06	TV24111			
31	22401678	TRẦN THỊ CẨM	TIỀN	28/11/06	NT24111			
32	22401368	TẠ THUỖ	TRANG	10/05/06	FT24111			
33	22400971	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	TRÂM	24/10/06	NT24111			
34	22401351	LÊ HÀ ANH	TUẤN	13/09/06	NT24111			
35	22401657	PHAN THỊ MỸ	UYÊN	26/09/06	KT24111			
36	22401402	TRẦN THANH	XUÂN	02/01/06	PR24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5500 – Số hiệu lớp: 1540
Giảng viên: Nguyễn Châu Hồng Liên
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 07g30

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402718	HUỲNH NGỌC TUYẾT	ANH	17/10/06	TV24111			
2	22402793	TRẦN VŨ MINH	CHUYÊN	28/12/06	NT24111			
3	22402092	NGUYỄN GIA	HÂN	16/10/06	NT24111			
4	22402716	NGUYỄN VŨ THIẾN	HÙNG	18/02/06	FT24111			
5	22402882	NGUYỄN VIỆT DUY	HƯNG	21/12/06	TV24111			
6	22207223	ĐẶNG QUANG	KHÁNH	01/07/04	TV22111			
7	22403040	TRẦN CAM	LINH	15/08/06	NT24111			
8	22403047	PHẠM QUỐC	LONG	05/12/03	TV24111			
9	22402872	NGUYỄN THỊ TRIỆU	MÃN	28/01/06	KT24111			
10	22402088	TRƯƠNG TUỆ	MÃN	18/10/05	NT24111			Cấm thi
11	22205346	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	24/01/04	TV22111			
12	22402818	TRƯƠNG QUỲNH	MY	27/02/06	PR24111			
13	22402777	HỒ HOÀNG	NAM	20/07/06	NT24111			
14	22403000	HỒ NGUYỄN MINH	NGÂN	17/07/06	KT24111			
15	22403237	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	11/09/06	NT24111			
16	22401973	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	NGHI	28/04/06	PR24111			
17	22401997	TRẦN BỘI	NGHI	10/01/06	NT24111			
18	22402118	VÕ THIÊN GIA	NGHI	14/04/06	TV24111			
19	22402753	TRẦN TRỌNG	NGHĨA	05/06/06	TV24111			
20	22403188	PHAN THỊ HUỲNH	NHƯ	13/04/06	NT24111			
21	22402164	NGUYỄN NGỌC NHƯ	PHÚC	11/08/06	NT24111			
22	22402754	VĂN THỊ MỸ	PHƯỚC	18/01/06	KT24111			
23	22402690	LÊ MINH	QUANG	16/02/06	NT24111			
24	22402992	NGUYỄN ĐÌNH MINH	QUÂN	16/11/06	TV24111			
25	22402333	TRƯƠNG NHẬT	QUỲNH	23/02/06	NT24111			
26	22402202	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	23/01/06	NT24111			
27	22402676	PHẠM HỒNG	THIẾN	06/02/06	TV24111			
28	22402160	NGUYỄN ANH	THƯ	12/09/06	TV24111			
29	22402017	PHAN THỊ MINH	THƯ	01/02/06	TV24111			
30	22401304	QUÁCH NGỌC MINH	THƯ	02/01/06	NT24111			
31	22402880	LÂM PHƯƠNG	THY	23/09/06	PR24111			
32	22402908	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	25/10/06	NT24111			
33	22402799	TRƯƠNG ĐÌNH	TRÍ	18/02/06	PR24111			
34	22402589	VŨ LÊ HOÀNG	TƯỚC	01/07/06	NT24111			
35	22402860	TRẦN ĐÌNH KHÁNH	VY	11/03/06	FT24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5100 – Số hiệu lớp: 1536
Giảng viên: Hoàng Tô Thư Dung
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 112 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402010	ĐÀO NGUYỄN MINH	ANH	06/03/06	TL24111			
2	22401103	ĐỖ NHẬT THIÊN	ÂN	22/11/06	TL24111			
3	22122704	ĐẶNG GIA	BẢO	21/05/03	QL21111			
4	22118974	LƯU ĐÌNH	CHÍNH	23/08/03	QL21111			
5	22400457	LÊ NGUYỄN THÀNH	DANH	07/07/06	PM24111			Cấm thi
6	22400400	LÊ NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	12/05/06	BL24111			
7	2181649	TRẦN QUỐC	HUY	11/12/00	NL1811			
8	22402946	VŨ MẠNH	HÙNG	27/01/06	TL24111			
9	22400725	BÙI DUY	HƯNG	13/05/06	BL24111			
10	22400898	LÊ HOÀNG	KHANG	07/12/06	PM24111			
11	22402117	CAO MINH	KHÔI	20/01/06	TL24111			
12	22401983	NGUYỄN TRẦN MINH	KHUÊ	22/12/06	BL24111			
13	22401098	NGUYỄN THẮNG	LỢI	16/04/06	LW24111			
14	22400859	HUỲNH NGUYỄN HOÀNG	NAM	22/09/06	TL24111			
15	22402801	NGUYỄN LÂM GIA	NGHI	25/10/06	LW24111			
16	22400827	PHẠM THỊ KIM	NGỌC	14/04/06	LW24111			
17	22400358	NGUYỄN THANH THẢO	NGUYỄN	15/11/06	BL24111			
18	22401756	NGUYỄN HOÀNG MINH	NHẬT	12/02/06	PM24111			
19	22401514	NGUYỄN NGỌC Ý	NHI	31/07/05	LW24111			Cấm thi
20	22402847	NGUYỄN TRẦN TÂM	NHƯ	14/01/06	TL24111			
21	22400694	NGUYỄN THIÊN	PHÚC	23/08/06	PM24111			
22	22203947	TRẦN THỊ ANH	THỨ	07/06/04	TC22111			
23	22400701	LƯƠNG ANH	TUẤN	18/10/06	PM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ**
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5600 – Số hiệu lớp: 1541
Giảng viên: Trương Trúc Quỳnh
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 016 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400811	LÊ HOÀNG MINH	AN	03/05/06	DM24111			
2	22400158	ĐỖ TRÂM	ANH	14/11/06	EM24111			
3	22400873	LÃ HỒNG	ANH	25/06/06	DM24111			
4	22400710	NGUYỄN NGỌC	ANH	03/04/06	TT24111			
5	22400362	NGUYỄN ĐỨC	BẢO	24/04/06	DK24111			
6	22400844	PHẠM GIA	BẢO	25/02/06	DK24111			
7	22401984	TRỊNH THỊ THANH	BÌNH	03/04/06	EM24111			
8	22400314	NGUYỄN QUANG	CẢNH	27/02/01	DM24111			
9	22400802	VŨ MINH	ĐỨC	12/04/06	DK24111			
10	22400593	NGUYỄN GIA	HÂN	04/06/06	TT24111			
11	22400140	TRẦN NGUYỄN BẢO	HÂN	15/04/06	DK24111			
12	22201978	TRẦN DUY	HIỆU	10/09/04	LG22111			
13	22400204	TRẦN MINH	HIỆU	20/09/06	EC24111			
14	22400506	NGUYỄN ĐỨC	HUY	27/12/06	EM24111			
15	22114481	PHẠM THỊ PHÚC	HƯƠNG	12/11/03	KN21111			
16	22400318	LÂM GIA	HY	23/02/06	EM24111			
17	22402058	LƯU THỊ MỸ	LINH	01/10/06	DK24111			
18	22400571	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	17/08/06	DK24111			
19	22113934	NGUYỄN VÕ THÙY	LINH	30/04/03	TV21111			
20	22400706	HUỲNH XUÂN	MAI	23/02/06	DK24111			
21	22400074	ĐOÀN VIỆT	MỸ	11/07/02	SE24111			
22	22400826	NGÔ XUÂN HOÀNG	NGÂN	25/05/06	EC24111			
23	22400837	LÊ NGUYỄN BẢO	NGỌC	04/08/02	DM24111			
24	22400879	PHẠM THANH	NGỌC	23/01/06	EC24111			
25	22400662	TRẦN THỊ THANH	NHÂN	18/07/06	DM24111			
26	22400090	NGUYỄN HOÀNG	NHI	09/06/06	TT24111			
27	22204192	CHÂU HỒNG	PHÚC	11/02/02	TV22111			Cấm thi
28	22400881	LÂM NGỌC NGÂN	QUỲNH	28/11/05	DK24111			
29	22301272	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	29/09/03	DK23111			
30	22400511	NGUYỄN ANH	THƯ	19/01/06	DK24111			
31	22400564	LÊ THUỖ BÍCH	TIỀN	25/05/06	EM24111			
32	2198670	NGUYỄN HỮU	TÍN	29/01/01	PM19111			
33	2183156	LÊ THỊ THÚY	VI	10/12/00	TV1811			
34	22112171	HUỲNH THỊ ANH	VY	03/12/03	EM21111			
35	22400760	NGUYỄN NGỌC THẢO	VY	07/08/06	TT24111			
36	22400726	TỪ KHẢI	YẾN	15/02/06	EM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5700 – Số hiệu lớp: 1542
Giảng viên: Nguyễn Châu Hồng Liên
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401312	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH	AN	28/11/06	TT24111			
2	22401106	NGUYỄN QUỲNH	ANH	22/05/06	EM24111			
3	22401378	PHẠM NGỌC VÂN	ANH	23/10/06	EM24111			
4	22401059	VŨ VIỆT	ANH	17/11/05	DK24111			
5	22401292	NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG	ÁNH	04/09/06	EM24111			
6	22401259	NGÔ GIA	BẢO	13/05/06	TT24111			
7	22400910	NGUYỄN TRƯỜNG BĂNG	BĂNG	07/10/06	EM24111			
8	22400967	HUYỀN KHẢ	DI	21/12/06	DK24111			Cấm thi
9	22401288	NGUY KHẢI	DOANH	09/10/06	DM24111			
10	22401331	VÕ NGỌC	DUYÊN	11/10/05	TT24111			
11	22401093	PHAN PHÚC	ĐỊNH	29/09/06	EM24111			
12	22401058	ÂU DƯƠNG KHẮC	ĐÔNG	13/10/03	TT24111			
13	22401327	LÊ MINH	ĐỨC	17/06/06	DM24111			
14	22401087	TRẦN THANH	HẢI	18/07/06	DM24111			
15	22400906	PHAN NGUYỄN BẢO	HÂN	09/11/06	EM24111			
16	22400899	NGUYỄN TRẦN QUỐC	HUY	19/06/06	EM24111			
17	22401109	CAO ANH	KHOA	25/10/02	EM24111			
18	22401030	LÊ HOÀNG NHẬT	MINH	12/07/06	TT24111			
19	22400987	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	NGUYỄN	18/06/06	EM24111			
20	22401266	NGUYỄN LÊ QUANG	PHÁT	20/10/06	DM24111			
21	22401170	NGUYỄN LƯU	PHƯƠNG	28/11/06	DM24111			
22	22401265	NGUYỄN LÊ QUANG	PHƯỚC	20/10/06	DK24111			
23	22400167	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	21/02/06	TT24111			
24	22401079	NGUYỄN MINH	THÀNH	13/06/06	DK24111			
25	22401330	NGUYỄN GIA	THỊNH	25/11/06	DM24111			
26	22401034	THÁI BẢO HOÀI	THU	13/07/06	DM24111			
27	22114982	ĐỖ ANH	THỨ	02/03/03	TV21111			
28	22400986	NGUYỄN NGÔ PHƯƠNG	THY	07/01/06	EM24111			
29	22114937	LÊ THỊ THỦY	TRANG	27/10/03	TV21111			
30	22401334	HỒ NGỌC BẢO	TRÂM	30/07/06	DK24111			
31	22401128	NGUYỄN ĐỖ BẢO	TRÂM	17/02/06	DM24111			
32	22401137	MẠCH KHẢI	TUẤN	15/06/06	DM24111			
33	22400940	TRẦN NGỌC CÁT	TƯỜNG	05/12/06	EM24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5800 – Số hiệu lớp: 1543
Giảng viên: Vũ Thị Hoàng Yến
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 015 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22401471	ĐỖ HOÀNG	ANH	02/12/06	EC24111			
2	22401664	LÊ NGỌC	ANH	02/06/06	DM24111			
3	22401629	HÀ GIA	ÂN	01/01/06	DM24111			
4	22401693	LÊ NGỌC LAN	CHI	14/04/06	DK24111			
5	22401609	VŨ MINH	KHANG	26/11/06	DK24111			
6	22401469	VŨ QUỐC	KHÁNH	14/06/06	EC24111			
7	22402556	LÊ ĐĂNG	KHÔI	06/10/06	EC24111			
8	2171304	TRỊNH HÙNG	LIÊM	03/02/99	DL1712			
9	22401557	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	24/11/06	EC24111			
10	22401587	TRẦN THẢO	MY	09/10/06	DK24111			
11	22401792	PHẠM HỒNG HẠNH	NGUYỄN	30/05/06	EM24111			
12	22102514	PHAN HUỲNH MINH	NHẬT	28/01/03	LG21111			
13	22401971	NGUYỄN LÊ YẾN	NHI	26/06/06	EM24111			
14	22206020	NGÔ THỊ NGỌC	NHUNG	17/01/04	DM22111			
15	22401848	DƯƠNG NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	08/11/06	TT24111			
16	22401741	KHA BẢO	NHƯ	30/07/06	DK24111			
17	22401555	NGUYỄN HÀ KIỀU	OANH	03/08/06	DK24111			
18	22401403	ĐẶNG TRƯƠNG TẤN	PHÁT	03/01/06	DK24111			
19	22401942	SỖ TÚ	QUANG	03/04/06	DK24111			
20	22401897	HOÀNG THỊ TRÚC	QUỲNH	11/12/06	DM24111			
21	22401850	TRẦN NHƯ	QUỲNH	24/02/06	EM24111			
22	22401705	DƯƠNG MINH	TÀI	13/02/05	DM24111			Cấm thi
23	22401539	LÊ HOÀNG	TÂM	06/04/05	EC24111			
24	22401399	NGUYỄN PHƯƠNG	THANH	28/11/06	DK24111			
25	22401551	PHẠM NGHĨA	THÀNH	07/06/06	TT24111			
26	22401777	HỒ THANH	THẢO	08/01/06	EC24111			
27	22401490	NGUYỄN THU	THỦY	24/07/06	DK24111			
28	22401418	HUỲNH THANH THẢO	VI	27/02/06	EM24111			
29	22401701	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VI	18/04/06	DM24111			
30	22401940	NGUYỄN ÁI NHÂN	VIỆT	06/02/06	EC24111			
31	22206242	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	20/12/04	MK22111			
32	22401552	TRẦN MAI THANH	VY	14/03/06	DK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5900 – Số hiệu lớp: 1544
Giảng viên: Đỗ Quốc Khánh
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 10g00

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402100	HOÀNG MINH	ANH	11/06/06	EC24111			
2	22402139	LƯƠNG TÂM	ANH	07/02/06	EC24111			
3	22402970	NGÔ QUỲNH	ANH	30/12/06	EM24111			
4	22122943	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	01/11/00	IL21111			
5	22402939	NGUYỄN KHÁNH	DUY	15/11/06	SE24111			
6	22402874	QUAN MỸ	DUYỀN	17/11/06	EC24111			
7	22403180	LÊ TÂM	ĐOAN	07/01/06	EM24111			
8	22402643	TRẦN BẢO NGHI	HÂN	23/02/06	DK24111			Cấm thi
9	22402775	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	08/09/06	DK24111			
10	22003362	NGUYỄN GIA	HUY	09/05/02	TN20111			
11	22402465	NGUYỄN MINH	HUY	02/10/06	DM24111			
12	22402769	VÕ THỊ HOÀNG	LAN	03/03/06	DK24111			
13	22402398	ĐẶNG GIA	MÃN	28/01/06	DM24111			
14	22402951	BÙI LÊ TRÀ	MY	29/01/06	DK24111			
15	22122950	TRỊNH THỊ THÚY	NGA	01/05/03	BL21111			
16	22402122	CAO BÍCH KIM	NGÂN	26/05/06	DM24111			
17	22402018	VÕ LÊ THIÊN	NGÂN	14/06/06	DM24111			
18	22402187	HUYỀN KHÁNH	NGỌC	18/07/06	DM24111			
19	22401976	MINH NGUYỄN BẢO	NGỌC	10/03/06	EM24111			Cấm thi
20	22401996	HỒ THANH YẾN	NHI	13/09/06	DK24111			
21	22402223	KỐC NGỌC QUANG	QUYÊN	09/09/06	EM24111			
22	22403043	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	08/05/06	EM24111			
23	22402174	QUANG THIÊN	THANH	28/05/06	EM24111			
24	22402003	NGUYỄN THỊ NGỌC	THOA	21/07/06	DM24111			
25	22402956	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	30/09/06	EM24111			
26	22402929	NGUYỄN ĐỨC	TIẾN	24/01/06	DK24111			
27	22402846	LÊ NGỌC	TRÂM	15/01/06	DM24111			
28	22104767	PHÙNG NGỌC LÊ	TÚ	14/06/03	BL21111			Cấm thi
29	22106315	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	07/01/03	BL21111			
30	22403062	LÊ NGUYỄN NHƯ	Ý	26/07/06	DK24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 5200 – Số hiệu lớp: 1537
Giảng viên: Ngô Thị Dường
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 112 - CS Quang Trung 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22206051	MAI THẠCH	ANH	19/11/04	QL22111			
2	22400135	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	27/10/06	QL24111			
3	22400956	NGUYỄN QUỐC	ANH	06/11/06	QL24111			
4	22400823	CHU MẠNH	DANH	27/09/06	QL24111			
5	22401855	LA VĂN	DIỄN	28/05/06	QL24111			
6	22402199	MAI ĐỨC	DUY	14/05/06	QL24111			Cấm thi
7	22401374	NGUYỄN TRIỀU	DƯƠNG	21/11/06	QL24111			
8	22402201	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	30/09/06	QL24111			
9	22402836	HOÀNG THANH	HẢI	27/07/06	QL24111			
10	22401872	NGUYỄN VÕ	HIỆP	22/11/06	QL24111			
11	22400532	NGUYỄN ĐẮC	HOÀNG	19/03/06	QL24111			
12	22402933	NGÔ ĐỨC	HÒA	08/01/06	QL24111			
13	22400690	NGUYỄN MINH ANH	HUY	15/02/06	PM24111			
14	22401928	CHEA TRƯƠNG PHÚC	KHANG	17/07/06	QL24111			
15	22400598	NGUYỄN PHẠM THÀNH	KHOA	01/08/03	QL24111			
16	22402890	ĐỖ TUẤN	KIỆT	28/10/06	QL24111			
17	22402977	THÁI HOÀNG	LONG	30/10/06	QL24111			
18	22402024	TRẦN NGUYỄN CHU	LONG	26/07/06	QL24111			
19	22116987	VŨ NGỌC	LONG	24/07/03	DM21111			
20	22402023	DƯƠNG PHẠM KHÔI	NGUYỄN	23/06/06	QL24111			Cấm thi
21	22400877	PHẠM THÀNH	NHÂN	04/07/06	QL24111			
22	22401681	LÊ HOÀNG	NHẬT	03/07/06	QL24111			
23	22400708	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NHI	25/04/06	QL24111			
24	22401948	LÝ DIỄM	PHONG	23/02/06	QL24111			
25	22112579	LÊ ANH	QUÂN	12/08/03	LG21111			Cấm thi
26	22401164	HUỲNH TRẦN	TÀI	01/08/06	QL24111			
27	22402902	ĐOÀN LIỀNG	THÀNH	24/03/06	QL24111			
28	22402964	LƯU TRẦN THANH	TRÚC	17/12/06	QL24111			
29	22401311	LÊ	TUYỀN	24/04/06	QL24111			
30	22401947	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	03/12/06	QL24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 6000 – Số hiệu lớp: 1545
Giảng viên: Nguyễn Thị Thanh Hồng
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 017 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400570	BÌ TỐ	ANH	07/12/06	LG24111			
2	22400609	DƯƠNG HỒNG	ANH	20/04/06	LG24111			
3	22400828	TRẦN QUỲNH	ANH	15/03/06	MC24111			
4	22400371	VŨ HOÀNG QUỲNH	ANH	29/09/06	MC24111			
5	22400733	LÊ NGUYỆT	ÁNH	19/09/06	MK24111			
6	22400841	VÕ THUẬN	DUY	15/08/06	MC24111			
7	22400648	VĂN KIM	ĐIỀN	13/05/06	MC24111			
8	22400713	NGUYỄN TRẦN GIA	HÂN	28/05/06	MK24111			
9	22114928	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	16/09/03	DM21111			
10	22400154	HỨA GIA	HIỀN	25/09/06	MK24111			
11	22400684	VŨ VĂN QUANG	HUY	06/09/06	MK24111			
12	22400145	TRƯƠNG GIA	HƯNG	02/10/06	DA24111			
13	22400580	HỒ NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	16/04/06	MC24111			
14	22400337	BÙI HOÀNG	KHÔI	23/01/06	LG24111			
15	22400168	PHÙNG THUÝ	LAM	29/07/06	MC24111			
16	22400475	VÕ HUY	LẬP	06/01/06	QL24111			
17	22400169	TRẦN THANH	LOAN	27/04/06	TK24111			
18	22400369	LÂM TÚ	MINH	19/09/06	MC24111			Cấm thi
19	22400579	TRẦN ÁNH	MY	05/02/06	MK24111			
20	22400795	NGUYỄN THỊ KIM	MỸ	05/08/06	MK24111			
21	22401776	TRẦN NHÂN	NGHĨA	17/03/06	FT24111			
22	22400422	CHU NGUYỄN HỒNG	NGỌC	23/03/02	DA24111			Cấm thi
23	22400792	HUỲNH PHƯỢNG	NHI	01/03/06	MK24111			
24	22400685	NGUYỄN HUỲNH THIÊN	PHÚ	08/11/03	TK24111			
25	22400807	LÊ NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	30/03/06	MK24111			
26	22400547	NGUYỄN HUY MAI	PHƯƠNG	26/07/06	DA24111			
27	22400153	VÕ THỊ MỸ	THUẬN	24/01/06	LG24111			
28	22400676	HỒ LÊ MINH	THƯ	09/10/06	NL24111			
29	22140068	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	TRANG	03/11/03	KS21111			
30	22400587	HOÀNG NGỌC	TRÂM	22/11/06	TC24111			
31	22400435	VÕ THỊ NGỌC	TRÂN	29/06/06	MK24111			
32	22400753	TRẦN QUỐC	TRÍ	05/08/05	MK24111			
33	22400574	NGUYỄN TRẦN THANH	TRÚC	13/12/06	MK24111			
34	22400714	NGUYỄN HỒ THANH	TÙNG	23/05/99	DL24111			
35	22122570	NGUYỄN LÊ TRIỆU	VY	14/09/03	EM21111			
36	22400391	PHẠM HOÀI PHƯƠNG	VY	16/09/06	LG24111			
37	22400831	TRẦN THÚY	VY	21/12/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 6100 – Số hiệu lớp: 1546
Giảng viên: Đỗ Quốc Khánh
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 020 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22400964	ĐÀO LÊ THÚY	AN	26/10/06	TN24111			
2	22400878	TRẦN MAI VÂN	ANH	16/09/02	DA24111			
3	22401039	TRẦN NGUYỄN LAN	ANH	25/01/06	MK24111			
4	22401294	NGUYỄN LÊ THIÊN	BẢO	10/10/06	MC24111			
5	22401004	VƯƠNG QUỐC	BẢO	03/12/06	TC24111			
6	22400952	TẶNG BẢO	DI	21/10/06	MC24111			
7	22401392	PHẠM HOÀNG	HẠC	24/11/06	MK24111			
8	22400951	HUỲNH HỮU	HÂN	21/07/06	LG24111			
9	22401061	HUỲNH NGỌC BẢO	HÂN	12/06/06	MC24111			
10	22401299	CAO TUYẾT	HOA	04/05/06	MK24111			
11	22401002	HỒ ĐẶNG VĂN	HUY	04/05/06	TC24111			
12	22401384	LÊ TRẦN ANH	HUY	10/05/06	LG24111			
13	22401054	NGUYỄN HỮU KHÁNH	HƯNG	13/10/06	MC24111			
14	22401021	TRẦN LÊ ANH	KHOA	09/01/06	MC24111			
15	22401052	TRẦN MẠNH	KHÔI	15/06/06	DA24111			
16	22400932	LÊ ANH	KIỆT	05/09/06	LG24111			
17	22400995	VÕ NGỌC THIÊN	KIM	20/01/06	MK24111			
18	22400887	TRẦN TRỌNG	KỶ	13/11/06	LG24111			
19	22401145	NGUYỄN ĐỨC	MINH	04/04/06	MC24111			
20	22401354	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	03/07/06	TC24111			
21	22400867	VÕ NGỌC YẾN	MY	21/05/06	MC24111			
22	22400853	LÊ QUỐC	NAM	30/01/06	MK24111			
23	22400854	NGUYỄN HOÀNG	NAM	20/09/06	MC24111			
24	22400980	HÀ KIM	NGÂN	29/08/06	LG24111			
25	22401263	NGÔ THỊ TRÚC	NGUYỄN	16/09/06	TN24111			
26	22401147	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	22/10/06	LG24111			
27	22401286	NGUYỄN TRỌNG	PHÁT	01/05/06	MC24111			
28	22200410	CAO NGUYỄN BÁ	PHI	03/06/04	TT22111			Cấm thi
29	22400916	NGUYỄN DUY	QUANG	28/05/06	TC24111			
30	22401095	VÕ MINH	SANG	01/07/06	MC24111			
31	22401044	VÕ TẤN	TÀI	31/05/06	MC24111			
32	22401119	HỒNG NAM	THẮNG	25/09/06	DA24111			
33	22401082	TRẦN HƯNG	THỊNH	12/11/06	MK24111			
34	22401367	PHAN VŨ	THUẬN	29/09/06	MC24111			
35	22400938	NGUYỄN VÕ LAN	THY	11/01/06	MK24111			
36	22400977	LÊ PHAN QUỲNH	TIỀN	13/08/06	LG24111			
37	22401118	NGUYỄN HUỲNH MAI	TRÂM	24/01/06	MK24111			
38	22400955	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	01/01/06	MK24111			
39	22401256	BỒ ĐẠI	VĨNH	28/08/06	MK24111			
40	22302219	ĐÀO NGỌC THANH	VY	05/05/05	MK23111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 6200 – Số hiệu lớp: 1547
Giảng viên: Vũ Thị Hoàng Yến
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 021 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22115009	DƯƠNG NGỌC HUẾ	ANH	01/05/03	TV21111			
2	22401829	NGUYỄN NGỌC HOÀI	ANH	28/11/06	TN24111			
3	22401673	NGUYỄN THẢO	ANH	10/11/05	DA24111			
4	22402152	PHAN QUỲNH	ANH	10/01/06	MK24111			
5	22401671	TRẦN DIỆU	CHÂU	05/01/06	MK24111			
6	22401694	VÕ NGỌC LINH	CHI	14/02/06	MK24111			
7	22402045	NGUYỄN CÔNG	DANH	10/08/06	MK24111			
8	22402016	LƯƠNG DUYÊN THÙY	DUNG	27/03/06	MC24111			
9	22401559	LÊ ĐÌNH	HẬU	07/05/06	LG24111			
10	22401764	NGÔ THANH	HIỀN	23/03/06	NL24111			
11	22402037	PHẠM NHƯ	HUYỀN	14/03/06	TN24111			
12	22401944	NGUYỄN HỮU	KHANG	29/06/06	LG24111			
13	22401524	HỒ LÊ UYÊN	KHANH	27/11/06	MC24111			
14	22401802	TRẦN QUỐC	KHẢI	13/01/06	LG24111			
15	22401632	NGUYỄN LỮ KHÁNH	LY	25/01/06	LG24111			
16	22401685	ĐẶNG BÌNH	MINH	07/02/06	MK24111			
17	22401398	NGUYỄN KHÁNH	MINH	06/01/06	TN24111			
18	22401722	NGUYỄN ĐOÀN THANH	NGÂN	21/12/06	DA24111			
19	22401455	VÕ THỊ KIM	NGÂN	10/03/06	MC24111			
20	22401811	NGUYỄN NGỌC THÙY	NHIÊN	11/12/06	MK24111			
21	22401753	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	09/07/06	MK24111			
22	22401719	ĐỖ XUÂN	PHÚC	02/08/06	MK24111			
23	22401788	LÂM MINH	PHÚC	30/08/06	MK24111			
24	22401721	PHẠM THỊ KIM	PHỤNG	24/09/06	TN24111			
25	22401568	PHẠM HOÀNG LAN	PHƯƠNG	15/04/06	LG24111			
26	22110499	ĐẶNG MINH	QUÂN	29/05/02	EM21111			
27	22401575	TẶNG MINH	THÂN	05/02/06	DA24111			
28	22401585	LÂM TOÀN	THẮNG	19/02/06	MC24111			
29	22401636	NGUYỄN HOÀNG HƯNG	THỊNH	09/11/06	MK24111			
30	22401630	NGUYỄN HỮU	THUẬN	19/11/06	MC24111			
31	22401871	TRẦN ĐÀO HOÀI	THƯƠNG	08/08/06	MC24111			
32	22402013	NGUYỄN HỒNG THANH	TRÚC	11/04/06	LG24111			
33	22401486	NGUYỄN THANH	TRÚC	28/08/06	MK24111			
34	22402006	TRẦN THỊ CẨM	TÚ	13/02/06	TC24111			
35	22401580	VÕ THỊ CẨM	TÚ	31/10/06	LG24111			
36	22401649	MÃ UYÊN	VĂN	29/03/06	MC24111			
37	22300474	VŨ BÁ	VƯƠNG	05/09/02	NT23111			
38	22401567	LÊ THỊ YẾN	VY	27/10/06	MK24111			
39	22402094	NGUYỄN BẢO	VY	16/10/06	TC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____
Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____
Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____
Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ THI CUỐI KỲ
Học kỳ 2 (2024 - 2025)

Tên học phần: Tiếng Anh Hội nhập quốc tế 4 (GE101DV01) – Số tín chỉ: 5.00
Lớp học phần: 6300 – Số hiệu lớp: 1548
Giảng viên: Võ Hoàng Khiêm
Ngày thi: 20/05/2025
Giờ thi: 13g30

Phòng thi: Phòng 022 - CS Thành Thái

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Số tờ/file – dung lượng tổng	Chữ ký	Ghi chú
1	22402729	NGÔ HỨA PHƯƠNG	ANH	10/10/06	NL24111			
2	22402926	NGUYỄN NGỌC TÂM	ÂN	05/04/06	TN24111			
3	22402821	PHẠM DƯƠNG GIA	BẢO	25/04/06	LG24111			
4	22403013	LÊ PHẠM THÚY	BÌNH	18/03/06	MC24111			
5	22402185	NGUYỄN PHẠM NGỌC	CHÂU	30/04/06	MC24111			
6	22402477	LIÊU LIN	CHI	30/03/06	DA24111			
7	22403023	TRƯƠNG NGỌC THUỶ	DƯƠNG	26/11/06	TK24111			
8	22402717	NGUYỄN CAO BÁ	ĐẠT	06/01/06	MK24111			
9	22402766	LÊ HÀ HỒNG	HẠNH	13/05/06	LG24111			
10	22402829	NGUYỄN VĂN	HIẾU	29/06/06	TC24111			Cấm thi
11	22402947	LÊ THỊ	HUỆ	24/06/06	TN24111			
12	22402800	NGUYỄN GIA	HƯNG	10/01/06	LG24111			
13	22402875	NGUYỄN THỊNH	KHANG	06/05/06	MC24111			
14	22402963	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	31/05/02	MC24111			Cấm thi
15	22402833	NGUYỄN TRUNG BẢO	KHÔI	12/10/06	NL24111			
16	22402723	HỨA HOÀNG THÁI	KIỆT	27/12/03	MC24111			
17	22403168	TRẦN KIỀU THIÊN	KIM	21/02/06	NL24111			
18	22402780	NGUYỄN BÁ	LỘC	06/07/06	MK24111			
19	22402832	NGUYỄN TRÀ	MY	19/11/06	MK24111			
20	22402907	BÀNH TÂM	NGHI	23/06/06	TN24111			
21	22402856	BÙI THỊ MINH	NGỌC	27/03/06	MK24111			
22	22402979	LÊ NGUYỄN BẢO	NGUYỄN	21/11/06	MC24111			
23	22402158	ĐỖ YẾN	NHI	15/02/06	MC24111			
24	22403004	HUỲNH QUỲNH	NHƯ	14/10/06	LG24111			
25	22402906	NGUYỄN TẤN	PHÁT	10/10/06	LG24111			
26	22402878	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	21/07/06	TC24111			
27	22402930	VÕ NGỌC NHƯ	THẢO	14/06/06	MC24111			
28	22402299	LÂM SƠN	THẮNG	30/04/06	TC24111			
29	22402688	NGUYỄN TRỌNG	THẾ	12/09/06	LG24111			
30	22402805	NGUYỄN TRIẾT	THUẬN	23/09/02	LG24111			Cấm thi
31	22402714	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	THƯ	31/05/06	TK24111			
32	22402802	TRẦN TRUNG	TÍN	03/03/06	LG24111			
33	22402914	PHẠM NGỌC UYÊN	TRANG	18/10/06	MC24111			
34	22402917	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	28/10/06	TC24111			
35	22402958	NGUYỄN TẤN	VIỆT	07/11/06	LG24111			
36	22403011	NGUYỄN YẾN	VY	23/12/06	MC24111			

Số SV trong danh sách: ____ Số SV dự thi: ____

Sinh viên bị cấm thi không được vào phòng thi: ____

Giám thị 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Giám thị 2
(Ký và ghi rõ họ tên)